Tương Ưng Giác Chi (Bojjhaṅga Saṃyutta)

Kinh Tương Ưng Bộ (VNC PHVN, 2020)

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI (BOJJHANGASAMYUTTA)

I. PHẨM NÚI (PABBATAVAGGA)

I. KINH TUYẾT SƠN (Himavantasutta) (5. V. 63) 182. Nhân duyên ở Sãvatthi. Thế Tôn nói như sau: -Ví nhu, nương tựa vào (nissãya) vua Tuyêt sơn5 này các Tỷ-kheo, các loài rắn lớn tăng trưởng tự thân, thâu hoạch sức mạnh. Ở dấy, khi chúng tăng trưởng tự than thâu hoạch sức mạnh, chúng đi xuống các hồ nhỏ. Sau khi xuống các hồ nhỏ5 chúng đi xuống các hồ lớn. Sau khi đi xuống các hồ lớn, chúng đi xuống các sông nhỏ. Sau khi đi xuông các sông nhỏ, chúng đi xuông các sông lớn. Sau khi đi xuông các sông lớn, chúng đi ra biên, ra đại dương. Tại dây, thân của chúng được to lớn và quảng đại hơn. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo y cứ vào giới9 an trú vào giới, tu tập bảy giác chi? làm cho sung mãn bảy giác chi, đạt được sự to lớn, sự quảng đại trong các pháp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi5 làm cho sung mãn bảy giác chi, đạt được sự to lớn, sự quảng đại trong các pháp? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, đạt được sự to lớn, sự quảng đại trong các pháp. II. KINH THÂN (Kãyasutta) (S. V. 64) 183. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 cái thân này y cứ món ăn, duyên món ăn được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, năm triền cái y cứ món ăn5 duyên món ăn được an trú; không có món ăn thì không an trú.

Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với dục tham (kãmacchandă) chưa sanh được sanh khởi; hay đối với dục tham đã sanh được tănjg trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có tịnh tướng (subhanỉmittd). Ở đây, néu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn? thời tịnh tướng này là món ăn khiên cho dục tham chưa sanh được sanh khởi; hay đối với đục tham đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với sân chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với sân đã sanh khiến được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo? có đối ngại tướng (patighanimitta). Ở dây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đối ngại tướng này là món ăn khiên cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay đôi với sân đã sanh khiên cho tăng trưởng, quảng đại. Này các Tỷ-kheo? món ăn nào đối với hôn trầm thụy miên chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với hôn trầm thụy miên đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có sự không hân hoan, biếng nhác (tandí), uể oải (yyambhitã), ăn quá no, tâm rụt rè.1 Ở đây? nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn9 thời chính là món ăn khiên cho hôn trâm thụy miên chưa sanh được .sanh khởi;

hay đối với hôn trầm thụy miên đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với trạo hối chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với trạo hối đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo9 có tâm không được tịnh chỉ. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính là món ăn khiên cho trạo hôi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với trạo hối đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo? món ăn nào đối với nghi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với nghi đã sanh khiến cho tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo? có những pháp làm trú xứ cho nghi hoặc. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn5 thời chính các pháp này là món ăn khiên cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay đôi với nghi hoặc đã sanh khiên cho tăng trưởng, quảng đại. Ví như, này các Tỷ-kheo, cái thân này y cứ món ăn5 duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? năm triền cái y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú. Ví như, này các Tỷ-kheo, cái thân này y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi này y cứ món ăn5 duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú. Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đôi với niệm giác chi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đôi với niệm giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn?

1 Aratỉ tandỉ vỉjambhỉtã bhattasammado cetaso ca lĩnattaụi. Xem SA. I. 36; JA. VI. 57; Vỉbh. 272, 352, 478.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1049

Có các pháp, này các Tỷ-kheo, làm trú xứ cho niệm giác chi. Ở dây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đây là món ăn khiến cho niệm giác chi chưa sanh được sanh; hay đoi với niệm giác chi đã sanh khiến cho được tu tap, làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với trạch pháp giác chi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập và làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có các thiện pháp và bât thiện pháp, có các pháp đáng chỉ trích và không đáng chỉ trích, có các pháp liệt và thắng, có các pháp đen và trắng (kanhasukkasappatibhaga)?- ơ đây, nêu như lý tác ý được làm cho sung mãn9 thời đây là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với trạch pháp giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với tinh tấn giác chi chưa sanh làm cho sanh khởi; hay đối với tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập và làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có phát cần giới {ãrambhađhãtủ). tinh cần giới (nikkamadhãtiỉ), cần dõng giới (parakkamadhãtiỉ). Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đây là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với tinh tấn giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo? món ăn nào đôi với hỷ giác chi chưa sanh khiên cho sanh khởi; hay đối với hỷ giác chi đã sanh được tu tập5 làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có những pháp làm trú xứ cho hỷ giác chi. Ở dây, nếu như lý tác ý được làm cho viên mãn, thời đây là món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với hỷ giác chi đã sanh khiến cho được tu tập5 làm cho viên

mẫn. Và này các Tỷ-kheo? món ăn nào đối với khinh an giác chi chưa sanh khiến cho sanh khởi; hay đối với khinh an giác chi đã sanh được tu tap, làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo? có thân khinh an, tâm khinh an. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời đây là món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với khinh an giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với định giác chi chưa sanh khiến cho sanh khởi; hay đối với định giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn? Này các Tỷ- kheo? có tịnh chỉ tướng (samathanimỉttamẹ bất loạn tướng (abyagganimittam). Ở đây? nếu như lý tác ý được làm cho viên mãn, thời đây là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với định giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, món ăn nào đối với xả giác chi chưa sanh khiến cho sanh khởi; hay đối với xả giác chi đã sanh được tu tập5 làm cho viên mãn? Này*

2XemD. 11.215.

các Tỷ-kheo, có các pháp làm trú xứ cho xả giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho viên mãn, thời đây là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay đối với xả giác chi đã sanh khiến cho được tu tập, làm cho viên mãn. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, cái thân này y cứ món ăn, duyên món ăn được an trú; không có món ăn thì không an trú. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, bảy giác chi này y cứ món ăn, duyên món ăn mà được an trú; không có món ăn thì không an trú. III. KINH GIỚI (Sĩỉasutta) (5. V. 67) 184. Này các Tỷ-kheo5 những Tỷ-kheo nào Cụ túc giới, Cụ túc định, Cụ túc tuệ5 Cụ túc giải thoát, Cụ túc giải thoát tri kiến, Ta nói rằng chỉ thấy các Tỷ- kheo ấy thì có rất nhiều lợi ích. Chỉ nghe các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Chỉ yết kiến các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Chỉ thân cận các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Chỉ nhớ nghĩ đến các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Chỉ tùy thuận các Tỷ-kheo ấy xuất gia,3 này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng có rất nhiều lợi ích. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, khi nghe pháp từ các Tỷ-kheo như vậy? vị nào sông viên ly (yupakattho), được hai sự viên ly: Viên ly vê thân và viên ly vê tâm. Vị sống viễn ly như vậy thì sẽ tùy niệm (anussarati) pháp ấy, tùy tầm pháp ấy. Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo sông viên ly như vậy5 tùy niệm, tùy tầm pháp ấy; trong lúc ấy, niệm giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi? trong khi ấy, nhờ tu tập, niệm giác chi đi đến viên mãn. Vị ấy trú với chánh niệm như vậy5 với trí tuệ quyết trạch, tư 4 và thành tựu quán sát pháp ấy. sát3 Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chánh niệm như vậy, với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo. trạch pháp giác chi băt đâu phát khởi trong Tỷ-kheo ây. Trong khi Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi; trong khi ấy5 nhờ tu tập, trạch pháp giác chi đi đến viên mãn. Trong khi vị ấy với trí tuệ quyết trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ây5 thời tinh tân, không thụ động (asallĩnam) băt đâu phát khởi nơi vị ây. ỉ Trong khi, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo với trí tuệ quyêt trạch, tư sát và thành tựu quán sát pháp ấy; thời tinh tấn, không thụ động bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ấy. Trong

khi Tỷ-kheo tu tập tinh tấn giác chi; trong khi ấy, nhờ tu

3 Anupabbcyja. SA. III. 143 đề cập đến các Trưởng lão Mahãkassapa, Candagutta, Sũriyagutta, Assagutta, Yonakadhammarakkhita, Tissa va Mahinda. 4 SA. III. 143: Pavỉcỉnatĩtỉãdi sabbam tattha Ỹíãnacãravaseneva vuttam ("quyết trạch,,5 V. V... tất cả trong trường hợp này được cho là nhờ vào tchành tuệ,?).

tập, tinh tấn giác chi đi đến viên mãn. Với vị tinh cần, tinh tấn, hỷ không liến hệ đến vật chất (pĩti nỉrãmisã) khởi lên. Trong khi, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tinh cần, tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên; trong khi ấy, hỷ giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ây. Trong khi Tỷ-kheo tu tập hỷ giác chi; trong khi ây, nhờ tu tap, hỷ giác chi đi đên viên mãn. Với vị có ý hoan hỷ5 thân được khinh an, tâm được khinh an. Trong khi, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo với ý hoan hỷ? thân được khinh an, tâm được khinh an; trong khi ây5 khinh an giác chi băt đâu phát khởi trong Tỷ- kheo ấy. Trong khi Tỷ-kheo tu tập khinh an giác chi; trong khi ấy, nhờ tu tập5 khinh an giác chi đi đến viên mãn. Với vị có thân khinh an5 lạc hiện hữu. Với vị có lạc, tâm được định tĩnh. Trong khi, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thân khinh an, được an lạc, tâm được định tĩnh; trong khi ấy, này các Tỷ-kheo? định giác chi bắt đầu phát khởi trong Tỷ-kheo ây. Trong khi Tỷ-kheo tu tập định giác chi; trong khi ấy, định giác chi nhờ tu tập5 đi đên viên mãn. Vị ây với tâm định tĩnh như vậy? khéo trú xả nhìn [sự vật] (sãdhukam cỳjhupekkhitã). Trong khi, này các Tỷ-ldieo5 Tỷ-kheo với tâm định tinh, khéo trú xả nhìn [sự vật] như vậy; trong khi ây5 này các Tỷ-kheo, xả giác chi băt đâu phát khởi trong Tỷ-kheo ây. Trong khi Tỷ-kheo tu tập xả giác chi; trong khi ấy, xả giác chi nhờ tu tập, đi đến viên mãn. Này các Tỷ-kheo5 bảy giác chi được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, thời bảy quả5 bảy lợi ích được chờ đợi. Thế nào là bảy quả? bảy lợi ích? Ngay trong hiện tại, lập tức5 thành tựu được chánh trí; nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí, thời khi lâm chung, thành tựu được chánh trí. Nấu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được chánh trí5 thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn (Antarãparinibbãyĩ).67 Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được chánh trí; nêu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niêt-bàn, thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn (Upahaccaparinibbãyĩ).1 Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không chứng được chánh trí; nếu khi lâm chung, không chứng được chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử? không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nêu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Tôn hại Bát-niêt-bàn5 thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn (Asankhãraparỉnibbãyĩ)^

5 Patỉkacca. Bản Tích Lan và PTS viết Patigacca. Xem D. II. 118; Mỉln. 48, 421; Vin. IV. 44. 6 Vị này là bậc Bất Lai, sống đời sống còn lại ở Phạm thiên giới. 7 Chú giải giải thích vị này sống 500 kiếp nữa rồi chứng quả A-la-hán. Xem PC. 158. ^Asankhãra. Vồ hành, tức những hành động không có kết quả của nghiệp. Xem PugA.; JPTS. 1914, p.199;

Expos. 207.

1052 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được Chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được Chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử? không chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Vô hành Bát-niết-bàn; thời sau khi đoạn tận năm hạ phàn kiết sử, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn (Sasarikhãraparinibbãyĩ). Nếu ngay trong hiện tại, lập tức không thành tựu được Chánh trí; nếu khi lâm chung, không thành tựu được Chánh trí; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, không chứng được Trung gian Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử? không chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử. không chứng được Vô hành Bát-niết-bàn; nếu sau khi đoạn tận năm hạ phàn kiết sử? không chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn; thời sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là bậc Thượng lưu (Uddharnsota) đạt được Sắc Cứu Cánh thiên (Akanitthagãmĩ). Này các Tỷ-kheo? do tu tập bảy giác chi như vậy5 do làm cho sung mãn như vậy? nên được chờ đợi bảy quả này, bảy lợi ích này. IV KINH Y PHỤC ịyatthasuttdỷ (S V. 70) 185. Một thời, Tôn giả Sãriputta trú ở Sãvatthi, tại Thắng Lâm, vườn ông Anãthapindika. Tại đây, Tôn giả Sãriputta gọi các Tỷ-kheo: Chư Hiền giả Tỷ-kheo! Thưa Hiền giả. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sãriputta. Tôn giả Sãriputta nói như sau: Này chư Hiền, có bảy giác chi này. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Này chư Hiền, đó là bảy giác chi này. Đối với bảy giác chi này? này chư Hiền, đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi sáng, trong giác chi ấy, ta an trú vào buoi sáng. Đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi trưa, trong giác chi ấy, ta an trú vào buổi trưa. Đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi chiều, trong giác chi ấy, ta an trú vào buổi chiều. Nếu là niệm giác chi hiện hữu trong ta, này chư Hiền? ta rõ biết được giác chi ấy là vô lượng trong ta, giác chi ấy là khéo phát khởi trong ta, và giác chi ấy an trú trong ta, ta rõ biết là có an trú. Nếu giác chi ấy từ bỏ ta, ta rõ biết giác chi ấy từ bỏ ta vì nhân duyên này. ...(như trên, với các giác chi khác). Nêu là xả giác chi hiện hữu trong ta, này chư Hiên, ta rõ biêt được giác chi ấy là vô lượng trong ta, giác chi ấy là khéo phát khởi trong ta, và giác chi ấy an

9 Bản tiếng Anh của PTS: Practice, nghĩa là Tu tập.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1053

trú trong ta, ta rõ biêt là có an trứ. Nêu giác chi ây từ bỏ ta, ta rõ biêt giác chi ây từ bỏ ta vì nhân duyên này. Ví như, này chư Hiền, hòm áo của vua hay vị đại thần của vua đầy những loại áo có màu sắc sai biệt. Nếu vị ấy muốn mặc loại áo nào vào buổi sáng, vị ây mặc áo loại ây vào buôi sáng. Nêu muôn mặc loại ảo nào vào buôi trưa, vị ấy mặc loại áo ấy vào buổi trưa. Nếu muốn mặc loại áo nào vào buổi chiều, vị ấy mặc loại áo ấy vào buổi ehiều. Cũng vậy, này chư Hiền, đối với bảy giác chi này, đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi sáng, trong giác chi ây ta an trú vào buổi sáng. Đối với giác chi

nào ta muốn an trú vào buổi trưa, trong ẹiác chi ấy ta an trú vào buổi trưa. Đối với giác chi nào ta muốn an trú vào buổi chiều, ta an trú giác chi ấy vào buổi chiều.1011 Nếu là niệm giác chi hiện hữu trong ta, này chư Hiền, ta rõ biết... (như trên). Nếu là xả giác chi... (như trên). V. KINH VỊ TỶ-KHEO (Bhikkhusutta) (S. V. 72) 186. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến... ngồi xuống một bên, Tỷ- kheo ấy bạch Thế Tôn: 6íGiác chi? giác chi", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào? bạch Thế Tôn? được gọi là giác chi? Này Tỷ-kheo? chúng đưa đến giác ngộ, do vậy chúng được gọi là giác chi. Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm ẹiác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đên từ bỏ... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Do vị ấy tu tập bảy giác chi này? tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu? tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát.59 Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Chúng đưa đến giác ngộ, này các Tỷ-kheo, do vậy chúng được gọi là giác chi.

VI. KINH KUNDALIYA (Kundaliyasutta) n (S V. 73) 187. Một thòi, Thế Tôn trú ở Sãketa,12 tại rừng Aftjana, Lộc Uyển. Rồi du sĩ Kunặaliya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ Kundaliya bạch Thế Tôn:

10 Xem M. I. 215: Đoạn kinh nêu rõ vị Tỷ-kheo làm chủ tâm mình, không để ý sai khiến mình. Xem .254. 11 Người đeo bông tai. 12 T Oudh, địa danh này, một thời là kinh đô của Kosala. Xem s. V. 219; KS. V. 194 (kinh 513Ở sau); KS.l. 77 (chú thích); B/. 39, 103.

Thưa Tôn giả Gotama, tôi sông gân khu vườn, giao du với hội chúng. Sau khi ăn bữa sáng xong, thưa Tôn giả Gotama như sau là sở hành (ãcãra) của tôi. Tôi bộ hành, tôi du hành, từ khóm vườn này qua khóm vườn khác, từ khu vườn này qua khu vườn khác. Tại đây, tôi thây một sô Sa-môn? Bà-la-môn luận bàn về lợi ích thoát ly các tranh luận và lợi ích cật vấn. Còn Tôn giả Gotama sống có lợi ích gì? —Này Kundaliya, Như Lai có quả lợi ích của Minh và Giải thoát. Nhxmg thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tap, được làm cho sung mãn? khiến cho Minh và Giải thoát được viên mãn? -Này Kundaliya, bảy giác chi được tu tap, được làm cho sung mãn? khiến cho Minh và Giải thoát được viên mãn. —Nhimg thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tập, được làm cho sung mãn, khiến cho bảy giác chi được viên mãn? Này Kundaliya, bốn niệm xứ được tu tap, được làm cho sung mãn, khiến cho Bảy giác chi được viên mãn. Nhimg thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tap, được làm cho sung mãn, khiên cho bôn niệm xứ được viên mãn? Này Kundaliya, ba thiện hành (sucarỉtãní) được tu tập? được làm cho sung mãn5 khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn. —Nhưng thưa Tôn giả Gotama, những pháp nào được tu tập5 được làm cho sung mãn, khiến cho ba thiện hành được viên mãn? Này Kundaliya, hộ trì các căn được tu tập5 được làm cho sung mãn, khiến cho ba thiện hành được viên mãn. Nhưng này Kundaliya, hộ trì

các căn được tu tập như thế nào, được làm cho sung mãn như thế nào5 khiến cho ba thiện hành được viên mãn? Ở đây, này Kundaliya, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc khả ý5 không có tham trước, không có hoan hỷ, khồng để tham dục (rãga) khởi lên. Thân của vị ấy được an trú, tâm an trú, nội phần khéo an trú, khéo giải thoát. Và khi mắt thấy sắc không khả ý? không có tuyệt vọng (mankuỴ tâm không có dao động (appatitthitacitta), ý không có chán nản (ađĩnamãnasă), tâm không có tức tối (abyãpannacetasa). Thân của vị ấy được an trú, tâm được an trú, nội phần khéo an trú, khéo giải thoát. Lại nữa, này Kundaliya, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... Lại nữa5 này Kundaliya, Tỷ-kheo khi ý biết pháp khả ý5 không tham trước, không có hoan hỷ5 không để tham dục khởi lên. Thân của vị ấy được an trú, tâm an trú, nội phần khéo an trú5 khéo giải thoát. Và Tỷ-kheo khi ý biết pháp không khả ý5 không có tuyệt vọng, tâm không có dao động, ý không có chán nản, tâm không có tức tối. Thân của vị ấy được an trú, tâm được an trú, nội phần khéo an trú, khéo giải thoát.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1055

Này Kundaliya, khi nào Tỷ-kheo, măt thây săc? đôi với săc khả ý hay không khả ý, thân được an trú, tâm được an trú, nội phân được khéo an trú, khéo giải thoát... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý biết pháp, đối với các pháp khả ý hay không khả ý? thân được an trú, tâm được an trú, nội phân được khéo an trú, khéo giải thoát. Này Kundaliya, hộ trì các căn được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy5 khiên cho ba thiện hành được viên mãn. Và này Kundaliya, ba thiện hành được tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào5 khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn? Ở dây, này Kundaliya, Tỷ-kheo đoạn tận thân ác hành, tu tập thân thiện hành; đoạn tận khẩu ác hành, tu tập khẩu thiện hành; đoạn tận ý ác hành5 tu tập ý thiện hành. Này Kunậaliya, ba thiện hành được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy5 khiến cho Bốn niệm xứ được viên mãn. Và này Kundaliya, bôn niệm xứ được tu tập như thê nào, được làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho bảy giác chi được viên mãn? Ở đây, này Kundaliya, Tỷ-kheo sông quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiêp phục tham ưu ở đời; quán thọ trên các thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này Kunậaliya, bốn niệm xứ được tu tập như vậy5 được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho bảy giác chi được viên mãn. Và này Kundaliya. bảy giác chi được tu tập như thế nào. được làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho Minh và Giải thoát được viên mãn? Ở đây, này Kundaliya, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đên viên ly, liên hệ đên ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này Kundaliya, bảy giác chi được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy? khiến cho Minh và Giải thoát được viên mãn. Khi được nghe nói vậy, du sĩ Kundaliya bạch Thế Tôn: —Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama... từ nay cho đến mạng chung, con xin quy ngưỡng. VII. KINH NÓC NHÀ (KũỊãgãrasutta) (5. V. 75) 188. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, các cây đà, cây kèo của ngôi nhà có nóc nhọn; tất cả cây đà, cây kèo ấy đêu thiên vê nóc nhọn, hướng vê nóc nhọn, xuôi về nóc nhọn. Cũng vậy? này các

Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tap bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi như thế nào, làm cho sung mãn bảy giác chi như thế nào, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập

khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đen từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn? xuôi về Niết-bàn.

VIII. KINH UPAVÃNA (Upavãnasutta) (S. V. 76) 189. Một thời, Tôn giả upavãna và Tôn giả Sãriputta sống ở Kosambĩ, tại vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Sãriputta, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy? đi đến Tôn giả upavãna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả upavãna những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Sãriputta nói với Tôn giả upavãna. Thưa Hiền giả upavãna, Tỷ-kheo có thể biết được chăng, do tự mình như lý tác ý5 bảy giác chi được khéo an trú trong ta, đưa đến lạc trú? Thưa Hiền giả Sãriputta, Tỷ-kheo có thể biết được, do tự mình như lý tác ý? bảy giác chi được khéo bắt đầu trong ta, đưa đến lạc trú. Thưa Hiền giả, Tỷ- kheo chỉ bắt đầu niệm giác chi, biết được: uTâm ta được khéo giải thoát. Hôn trầm thụy miên trong ta được khéo nhổ sạch. Trạo hối trong ta được khéo điều phục. Tinh tấn đã bắt đầu trong ta. Lấy giác chi ấy làm đối tượng (atthirnkatva), ta dụng tâm tác ý. Giác chi ấy không có thối thất (lĩnaỴ\.. Thưa Hiền giả? Tỷ- kheo chỉ bắt đầu xả giác chi, biết được: uTâm ta được khéo giải thoát. Hôn trầm thụy miên trong ta được khéo nhổ sạch. Trạo hối trong ta được khéo điều phục. Tinh tấn đã bắt đầu trong ta. Lấy giác chi ấy làm đối tượng, ta dụng tâm tác ý. Giác chi ấy không có thoi thất." Cũng vậy, thưa Hiền giả Sãriputta, Tỷ-kheo có thể biết được, do tự mình như lý tác ý? bảy giác chi được khéo an trú trong ta, đưa đến lạc trú. IX. KINH SANH THỨ NHẤT (PaỊhamauppannasutta) (S V. 77) 190. Này các Tỷ-kheo? có bảy giác chi này chưa khởi lên3 nếu được tu tập, làm cho sung mãn? có thể khởi lên; nhưng không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Này các Tỷ-kheo, bảy giác chi này chưa khởi lên, nếu được tu tập, làm cho sung mãn, có thể khởi lên; nhimg không thể không có sự hiện hữu của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. X. KINH SANH THỨ HAI (Dutiyauppannasutta) (S V. 77) 191. Bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, chưa khởi lên, nêu được tu tập, làm cho sung mãn, có thể khởi lên; nhtmg không thể không có giới luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, chưa khởi lên, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, có thể khởi lên; nhimg không thể khong co giới luật của bậc Thiện Thệ.

n. PHẨM BỆNH (GILÂNAVAGGA)

I. KINH SANH LOẠI (Pãnasutta) (S V. 78) 192. Ví như5 này các Tỷ-kheo5 có những loại hữu tình (pãna) theo bốn cử chí, khi di, khi đứng5 khi ngồi, khi nằm. Tất cả những sanh loại ấy y cứ vào đất, an trú vào đất mà thực hiện bốn cử chỉ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi. Và này các Tỷ-kheo, như thê nào là Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào giới, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niêm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả ệiác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đen từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo y cứ vào giới, an trú vào gióI, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi. II. KINH VÍ DỤ MẶT TRỜI THỨ NHẤT (PaỊhamasũríyũpamasutta) (5. V. 78) 193. Ví như, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước mặt trời sắp mọc, tức rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước bảy giác chi sanh khởi, tức là làm bạn với thiện hữu. Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng, bảy giác chi sẽ được tu tập? bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi5 làm cho sung mãn bảy giác chi? ơ đâỵ9 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đên viễn ly? liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi. III. KINH VÍ DỤ MẶT TRỜI THỨ HAI (Dutìyasũriyũpamasutta) (S V. 79) 194. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước mặt trời sắp mọc, tức là rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái này là điềm đi trước, là tướng báo trước bảy giác chi sanh khởi, tức là như lý tác ý. Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng, bảy giác chi sẽ được tu tập, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo. như thế nào là Tỷ-kheo như lý tác ý. tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi? ơ đâỵ9 này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý? tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

1058 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

IV. KINH BỆNH THỨ NHẤT (Pathamagilãnasutta) (S V. 79) 195. Một thòi, Thế Tôn trú ở Vương Xá, Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ? Tôn giả Mahãkassapa trú ở hang Pipphalĩ, bị bệnh, khổ đau? bị trọng bệnh. Roi Thê Tôn, vào buôi chiêu, từ thiên tịnh đứng dậy, đi đen Tôn giả Mahãkassapa; sau khi đên, ngôi xuông trên chô đã soạn săn. Ngôi xuông? Thê Tôn nói với Tôn giả Mahãkassapa: - Này Kassapa, ông có kham nhẫn được chăng? Ông có chịu đựng được chăng? Có phải khổ thọ giảm thiểu, không có tăng trưởng? Có phải có triệu chứng giảm thiêu, không có tăng trưởng? -Bạch Thế Tôn, con không thể kham nhẫn, con không thể chịu đựng. Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có giảm thiểu; có triệu chứng tăng trưởng, không có giảm thiểu. -Này Kassapa, bảy giác chi này do Ta chơn chánh thuyết giảng5

được tu tập, được làm cho sung mãn5 đưa đên thăng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này Kassapa, do Ta chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn... Xả giác chi, này Kassapa, do Ta chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ5 Niết-bàn. Bảy giác chi này, này Kassapa, do Ta chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ? Niết-bàn. Thật vậy, bạch Thế Tôn, chúng là giác chi. Thật vậy, bạch Thiện Thệ, chúng là giác chi. Thế Tôn thuyết như vậy? Tôn giả Mahãkassapa hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Và Tôn giả Mahãkassapa được thoát khỏi bệnh ấy. Bệnh ấy của Tôn giả Mahãkassapa được đoạn tận như vậy. V KINH BỆNH THỨ HAI (Dutiyagilãnasutta)(y V. 80) 196. (Như kinh trên5 chỉ khác ở đây là trường hợp của "Tôn giả Mahamoggallana^) VI. KINH BỆNH THỨ BA (Tatìyagilãnasutta) (5. V. 81) 197. Một thời, Thế Tôn ở Vương Xá, Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Thế Tôn bị bệnh, khổ đau? bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Mahãcunda13 đi đến Thế Tôn; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Mahăcunda đang ngồi một bên: Này Cunda, hãy thuyêt vê giác chi.

13 Em trai của Tôn giả Sãriputta. Xem Pss. Breíh. 119; KS. IV. 30.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1059

—Bạch Thế Tôn, có bảy giác chi này dq Thế Tôn chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bảy? Bạch Thế Tôn, niệm giác chi do Thế Ton chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn... Bạch Thế Tôn, xả giác chi do Thế Tôn chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ? Niết-bàn. Bạch Thế Tôn, bảy giác chi này do Thế Tôn chơn chánh thuyết giảng, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến thắng trí, giác ngộ5 Niết-bàn. —Thật vậy5 này Cunda, chúng là giác chi. Thật vậy5 này Cunda, chúng là giác chi. Tôn giả Mahãcunda thuyết như vậy? bậc Đạo sư chấp nhận. Và Thế Tôn thoát khỏi bệnh ấy. Bệnh ấy của Thế Tôn được đoạn tận như vậy.1415 VII. KINH ĐẾN BỜ BÊN KIA (Pãrangamasuttă)ỉ5 (S. V. 81) 198. Có bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, được tu tập5 được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia. Thê nào là bảy? Niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn9 đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia... Xả giác chi, này các Tỷ-kheo, được tu tập5 được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo? được tu tap, được làm cho sung mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia. Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm: ít thay là những người, Qua được bờ bên kia. Phân lớn quân chúng khác, Chạy qua lại bờ này. Những ai khéo thuyêt giảng, Chánh pháp khéo tuyên thuyết, Họ đến bờ bên kia, Khéo vượt cảnh Ma giới. Đoạn tận các hắc pháp, Bậc trí tu bạch pháp, Bỏ nhà, sống không nhà, Trong độc cư an lạc. Ở đây muốn hưởng lạc, Hãy bỏ mọi dục vọng, Bậc trí tự thanh lọc5 Tự tâm khởi phiền não. Những ai khéo tu tập?

14 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.727. 0195b29); Tăng.(T.02. 0125.39.6. 0731a05). 15 Bản tiếng Anh của PTS: Crossing over (or No more), nghĩa là Vượt qua (hay Không còn trở ỉại nữa).

1060 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

Chánh tâm trong giác chi, Từ bỏ các chấp trước, Hoan hỷ, không chấp thủ, Lậu hoặc tận, chói sáng? Đạt tịch tịnh ở đời. VIII. KINH THÔI THẤT (Vỉraddhasuttay6 (S V. 82) 199. Này các Tỷ-kheo, những ai thối thất bảy giác chi thì cũng thối thất Thánh đạo tám ngành đưa đến tận diệt khổ. Này các Tỷ-kheo? những ai tấn tu bảy giác chi thì cũng tấn tu Thánh đạo tám ngành đưa đen tận diệt kho. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Này các Tỷ-kheo, những ai thối thất hay tấn tu bảy giác chi thì cũng thối thất hay tấn tu Thánh đạo tám ngành đưa đến tận diệt khổ. Này các Tỷ-kheo, những ai tấn tu bảy giác chi thì cũng tấn tu Thánh đạo tám ngành đưa đến tận diệt khổ. IX. KINH THÁNH (Ariyasuttd) (S V. 82) 200. Bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, nếu được tu tap, được làm cho sung mãn? thì sẽ thành những Thánh dẫn độ?1617 dắt dẫn người sở hành chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn? thì sẽ thành những Thánh dẫn độ, dắt dẫn người sở hành chơn chánh đoạn diệt khổ đau. X. KINH NHÀM CHÁN (Nibbidãsuttà) (S V. 82) 201. Có bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diet, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

16 Bản tiếng Anh của PTS: Neglected and Undertaken^ nghĩa là Thối thất và Tấn tu. Vìraddha'. Thối thất. Ẫraddhữ. Tấn tu. 17 Niyyãnika: Đưa đến giải thoát. Xem s. V. 225 (kinh 815 ở sau).

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1061

ni. PHẨM UDÃYI (UDÃYIVAGGA)

I. KINH GIÁC NGỘ (Bodhãyasutta) (S. V. 83) 202. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Ton; sau khi đến... rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: “Giác chi, giác chi”, bạch Thế Tôn? được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là giác chi? Đưa đến giác ngộ5 này Tỷ-kheo? nên được gọi là giác chi. Ở dây, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Đưa đến giác ngộ, này Tỷ-kheo, cho nên được gọi là giác chi. II. KINH THUYẾT VÈ GIÁC CHI (Bojjhangadesanữsutta)1819(S V. 83) 203. Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ thuyết cho các ông về bảy giác chi. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy giác chi? Niệm giác chi... xả giác chi. Này các Tỷ-kheo, có bảy giác chi này. III. KINH TRÚ XỨ (Thăniyasuttay9 (S V. 84) 204. Do tác ý? làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho dục và tham (kãmarãga), này các Tỷ-kheo, nên dục tham (kãmacchanda) chưa sanh được sanh khởi; và dục tham đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. Do tác V, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho sân, này các Tỷ-kheo, nên

sân chưa sanh được sanh khởi; và sân đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. Do tác ý9 làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo? nên hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; và hôn trầm thụy miên đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. Do tác ý5 làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho trạo hối, này các Tỷ-kheo? nên trạo hối chưa sanh được sanh khởi; và trạo hối đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. Do tác ý, làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho nghi hoặc, này các Tỷ- kheo? nên nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại.

18 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.728. 0196al2). 19 Tham chiếu: Tạp.t.02. 0099.710. 0190b09).

Do tác ý5 làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho niệm giác chi, này các Tỷ- kheo5 nên niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại... Do tác ý5 làm cho sung mãn các pháp trú xứ cho xả giác chi, này các Tỷ-kheo, nên xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; và xả giác chi đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. IV. KINH PHI NHƯ LÝ TÁC Ý (Ayonisomanasikãrasutta) 20 (S V. 84) 205. Do phi như lý tác ý5 này các Tỷ-kheo, dục tham (kãmacchanda) chưa sanh được sanh khởi; và dục tham đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. ... sân chưa sanh được sanh khởi; và sân đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. ... hôn trâm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; và hôn trâm thụy miên đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. ... trạo hối chưa sanh được sanh khởi; và trạo hối đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. ... nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh đi đến tăng trưởng, quảng đại. ... và niệm giác chi chưa sanh không sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh bị đoạn diệt... xả giác chi chưa sanh không sanh khởi; và xả giác chi đã sanh bị đoạn diệt. Và này các Tỷ-kheo, nếu như lý tác ý, dục tham chưa sanh không thể sanh khởi; và dục tham đã sanh bị đoạn tận. ... sân chưa sanh không thể sanh khởi; và sân đã sanh bị đoạn tận. ... hôn trâm thụy miên chưa sanh không thê sanh khởi; và hôn trâm thụy miên đã sanh bị đoạn tận. ... trạo hôi chưa sanh không thê sanh khởi; và trạo hôi đã sanh bị đoạn tận. ... nghi hoặc chưa sanh không thê sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh bị đoạn tận. Do như lý tác ý5 này các Tỷ-kheo5 niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh, nhờ tu tập, đi đến viên mãn... xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; và xả giác chi đã sanh, nhờ tu tap, đi đến viên mãn. V. KINH KHÔNG TỔN GIẢM (Aparìhãniyasutta) (S. V. 85) 206. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về bảy pháp không tổn giảm. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là bảy pháp không tổn giảm? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ

20 Bản tiếng Anh của PTS: Unsystematic dịch ý là Phỉ như lỷ. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.704. 0189b 10).

giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Này các Tỷ-kheo, những pháp này là bảy pháp không tổn giảm. VI. KINH ĐOẠN TẬN KHÁT ÁI (Tanhakkhayasutta)21 (S. V. 86) 207. Con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo? đưa đến đoạn tận khát ái9 hãy tu tập con đường ấy5 đạo lộ ấy. Và con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo5 đưa đến đoạn tận khát ái? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi5 tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ưdãyi bạch Thế Tôn: Tu tập như thế nào? làm cho sung mãn như thế nào, bạch Thế Tôn? bảy giác chi đưa đến đoạn tận khát ái? -Ở đây, này Ưdãyi, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đên ly tham, liên hệ đên đoạn diệt, hướng đên từ bỏ5 quảng dại, to lớn, vô lượng, không sân. Đôi với vị tu tập niệm giác chi liên hệ đên viên ly, liên hệ đên ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân thì khát ái được đoạn tận. Do khát ái được đoạn tận nên nghiệp được đoạn tận. Do nghiệp được đoạn tận nên khổ được đoạn tận. Ở đây5 Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi... tinh tấn giác chi... hỷ giác chi... khinh an giác chi... định giác chi... Ở đây, Tỷ-kheo tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly9 liên hệ đến ly tham, liên hệ đên đoạn diệt, hướng đên từ bỏ, quảng dại, to lớn, vô lượng, không sân. Đối với vị tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến r . đoạn diet, hướng đên từ bỏ? quảng đại, to lớn, vô lượng, không sân thì khát ái được đoạn tận. Do khát ái được đoạn tận nên nghiệp được đoạn tận. Do nghiệp được đoạn tận nên khổ được đoạn tận. Như vậy, này Ưdãyi, do khát ái đoạn tận nên nghiệp đoạn tận. Do nghiệp đoạn tận nên khổ đoạn tận. VII. KINH ĐOẠN DIỆT KHÁT ÁI (Tanhãnừodhasutta)22 (S V. 87) 208. Con đường nào, đạo lộ nào, này các Tỷ-kheo, đưa đến đoạn diệt khát ái, hãy tu tập con đường ấy9 đạo lộ ấy. Và này các Tỷ-kheo, con đường nào5 đạo lộ nào đưa đến đoạn diệt khát ái? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo, bảy giác chi đưa đến đoạn diệt khát ái? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly,

21 Bản tiếng Anh của PTS: Destruction, nghĩa là Đoạn tận. 22 Bản tiếng Anh của PTS: Cessation, nghĩa là Đoạn diệt.

liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy5 này các Tỷ-kheo, bảy giác chi đưa đến đoạn diệt khát ái. VIII. KINH THẺ NHẬP (Nibbedhabhãgiyasutta) (5. V. 87) 209. Này các Tỷ-kheo9 Ta sẽ giảng cho các ông con đường thể nhập phần. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là con đường thể nhập phần? Tức là bảy giác chi. Thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Khi nghe nói vậy, Tôn giả Udãyi bạch Thế Tôn: - Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, bạch Thế Tôn, bảy giác chi đưa đến thể nhập? Ở đây, này Udãyi, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ, quảng đại, to lớn, vô lượng5 không sân. Vị ấy nhờ tâm tu tập niệm giác chi, đâm thủng được (nỉbbỉjjhatíy phá vỡ được (padãíeti) tham uẩn từ

trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được, phá vỡ được sân uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được, phá vỡ được si uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ... Tỷ-kheo tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham? liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ? quảng đại, to lớn? vô lượng, không sân. Vị ấy nhờ tâm tu tập xả giác chi, đâm thủng được, phá vỡ được tham uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được? phá vỡ được sân uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ; vị ấy đâm thủng được, phá vỡ được si uẩn từ trước chưa từng bị đâm thủng, từ trước chưa từng bị phá vỡ. Tu tập như vậy5 làm cho sung mãn như vậy5 này Udãyi, bảy giác chi đưa đến thể nhập. IX. KINH MỘT PHÁP (Ẹkadhammasuttd) (5. V. 88) 210. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo5 được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các pháp có khả năng sanh kiết sử. Đó chính là bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy? Niệm giác chi... xả giác chi. Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ-kheo? bảy giác chi đưa đến đoạn tận các pháp có khả năng sanh kiết sử? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo5 bảy giác chi đưa đến đoạn tận các pháp có khả năng sanh kiết sử.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1065

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp có khả năng sanh kiết sử? Mắt5 này các Tỷ-kheo5 là pháp có khả năng sanh kiêt sử. Ở đây? khởi lên các tham trước (ajjhosana), sai sử, trói buộc (samyojanavinibandha)... Ý là pháp có khả năng sanh kiết sử. Ở dây, khởi lên các tham trước, sai sử, trói buộc. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là các pháp có khả năng sanh kiết sử.

X. KINH UDẢYI (Ụdãyisutta) (5. V. 89) 211. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa những người Sumbha, tại một thị trấn của những người Sumbha tên là Setaka. Rồi Tôn giả Udãyi đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Udãyi bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Xúc động nhiều thay, bạch Thế Tôn, là lòng ái mộ? tôn kính, lòng tàm và quý của con đối với Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, trước kia con còn là người tại gia, con không có nhiều xúc động (bahukata) đối với Pháp, không có nhiều xúc động đôi với Tăng. Nhưng, bạch Thế T6n, khi con cảm thấy (sampassamãno) lòng ái mộ, tôn kính, lòng tàm và quý của con đối với Thế Tôn? thời con xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và Thế Tôn thuyết pháp cho con: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt, đây là con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Đây là thọ? đây là thọ tập khởi5 đây là thọ đoạn diệt, đây là con đường đưa đến thọ đoạn diệt... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diet, đây là con đường đưa đến thức đoạn diet.” Rôi bạch Thê T6n, con đi đên chô nhà trông, và trong khi tùy quán (samparivattento) theo sự sanh diệt của năm thủ uẩn này, con như thật thắng tri: "Dây là khổ/9 Con như thật thắng tri: "Đây là khổ tập khởi.59 Con như thật thắng tri: "Đây là khổ diet." Con như thật thắng tri: “Dây là con đường đưa đến khổ

diệt.55 Pháp, bạch Thế Tôn, được con hoàn toàn chứng tri (abhisamito). Con đường được con chứng đắc, con đường này được tu tập, được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con với sự an trú như vậy5 như vậy, đạt đến sự chứng đạt như vậy (tathattãya). Nhờ vậy5 con sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm5 không còn trở lại đời này nua/9 Bạch Thế Tôn, con chứng được niệm giác chi. Niệm này được tu tập, được làm cho sung mãn5 sẽ dắt dẫn con với sự an trú như vậy, như vậy? đạt đến sự chứng đạt như vậy. Nhờ vậy5 con sẽ rõ biết được rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lại đời này nữa.,\.. Con chứng được5 bạch Thế Tôn, xả giác chi. Xả này được tu tap, được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con với sự an trú như vậy5 như vậy9 đạt đên sự chứng đạt như vậy. Nhờ vậy, con sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.,, Bạch Thế Tôn, con đường này được con chứng đắc, con đường này được tu tập5

được làm cho sung mãn, sẽ dắt dẫn con với sự an trú như vậy5 như vậy5 đạt đến sự chứng đạt như vậy. Nhờ vậy, con sẽ rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa/9 Lành thay, lành thay, này Udãyi! Con đường này, này Udãyi5 ông chứng được, con đường này được tu tap, được làm cho sung mãn sẽ dắt dẫn ông với sự an trú như vậy, như vậy, đạt đến sự chứng đạt như vậy. Nhờ vậy, ông sẽ rõ biết rằng: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.”

IV PHẨM TRIỀN CÁI (NlVĂRANAVĂGGA)

I. KINH THIỆN THỨ NHẤT (PaỊhamakusaỉasutta) (S V.91) 212. Phàm có những pháp nào, này các Tỷ-kheo, dự phần về thiện và bất thiện,23 nhtmg thuộc về phần thiện, tất cả những pháp ấy lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ; không phóng dật được gọi là M 7 1 ... tôi thượng đôi với những pháp ây. Với Tỷ-kheo không phóng dật này? này các Tỷ-kheo? được chờ đợi rằng bảy giác chi sẽ được tu tập, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn. Và như thế nào5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập bảy giác chi? làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đên viên ly, liên hệ đên ly tham, liên hệ đên đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phóng dật, tu tập bảy giác chi5 làm cho sung mãn bảy giác chi. II. KINH THIỆN THỨ HAI (Dutìyakusatasutta) (S V. 91) 213. Phàm có những pháp nào5 này các Tỷ-kheo5 dự phần về thiện và bất thiện, nhimg thuộc vê phân thiện, tât cả những pháp ây lây như lý tác ý làm căn bản, lấy như lý tác ý làm chỗ quy tụ; như lý tác ý được gọi là tối thượng đối với những pháp ấy. Với Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng bảy giác chi sẽ được tu tap, sẽ được làm cho sung mãn. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý? tu tập bảy giác chi5 làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly? liên hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diệt, hướng

đến từ bỏ. Như vậy5 này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý? tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi. III. KINH CẤU UẾ (Upakkilesasutta)24 (S V. 92) 214. Này các Tỷ-kheo, có năm cấu uế25 này đối với vàng. Do những cấu uế ấy, vàng bị uế nhiễm, không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có

23 Các pháp thiện và bất thiện. Xem M. I. 489. 24 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Corruptions, nghĩa là Các cấu uế. 25 Upakkilesã, ở đây có nghĩa là các kim khí khác xen lẫn với vàng như hợp kim. Xem BPE. 251, 281.

chói sáng, dễ bị bể vụn (pabhangu), và không chơn chánh chịu sử dụng. Thế nào là năm? Săt (ạy)này các Tỷ-kheo5 là câu uê của vàng. Do câu uê ây, vàng bị uê nhiễm... chịu sử dụng. Đồng QohdĩỊĨ)?6 này các Tỷ-kheo, là cấu uế của vàng. Do cấu uế ấy, vàng bị uế nhiễm... chịu sử dụng. Thiêc 0ipu), này các Tỷ-kheo5 là câu uê của vàng. Do câu uê ây, vàng bị uế nhiễm... Chì (sĩsarn), này các Tỷ-kheo, là câu uê của vàng. Do câu uê ây, vàng bị uế nhiễm... Bạc (sạiịhu), này các Tỷ-kheo, là câu uế của vàng. Do câu uê ây, vàng bị uê nhiễm, không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, và không chơn chánh chịu sử dụng. Chính cấu uế của vàng, này các Tỷ-kheo, do những cấu uế ấy, vàng bị uế nhiễm, không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, và không chơn chánh chịu sử dụnẹ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm cau ue nay của tâm, chính những cau ue ay khiên tam bi ue nhiêm,26 2728 không có nhu nhuyến, không có kham nhậm5 không có chói sánẹ, dễ bị bể vụn, không chơn chánh được định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. Thể nào là năm? Dục tham (kãmacchandă). này các Tỷ-kheo? là cấu uế của tâm. Do cấu uế ấy, tâm bị uế nhiễm, không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, không chơn chánh được định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. ... (Tương tự với 64sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi"). Những pháp này, này các Tỷ-kheo? là năm cấu uế của tâm. Chính do những cấu uế ấy, tâm không có nhu nhuyến, không có kham nhậm, không có chói sáng, dễ bị bể vụn, và không chơn chánh được định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. IV. KINH KHÔNG CẤU UẾ (Anupakkilesasutta)2S (S. V. 93) 215. Này các Tỷ-kheo? có bảy giác chi này không chướng ngại, không triền cái, không uế nhiễm tâm, được tu tập? được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Thế nào là bảy? Có niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, không chướng ngại, không triền cái? không uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát... xả giác chi, không chướng ngại, không triền cái, không uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát.

26 Kim loại đỏ. sắt được gọi là kim loại đen. 27 Chữ khỉla có nghĩa là cái vỏ cứng của bản ngã cần phải đập bể ra. Xem s. V. 57. 28 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.707. 0189cl4).

Này các Tỷ-kheo9 có bảy giác chi này không chướng ngại, không triền cái, không uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. V. KINH PHI NHƯ LÝ TÁC Ý (Ayonisomanasikãrasutta)2930 (S. V. 93) 216. Do phi

như lý tác ý? này các Tỷ-kheo? dục tham (kãmacchandă) chưa sanh được sanh khởi; và dục tham đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại. Do phi như lý tác ý? này các Tỷ-kheo9 sân chưa sanh được sanh khởi; và sân đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại. Do phi như lý tác ý. này các Tỷ-kheo. hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; và hôn trầm thụy miên đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại. Do phi như lý tác ý? này các Tỷ-kheo, trạo hối chưa sanh được sanh khởi; và trạo hối đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo, do phi như lý tác ý? nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; và nghi hoặc đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại. VI. KINH NHƯ LÝ TÁC Ý (ĩonisomanasikãrasutta) (S V. 94) 217. Do như lý tác ý5 này các Tỷ-kheo, niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; và niệm giác chi đã sanh, nhờ tu tap, đi đến viên mãn... xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; và xả giác chi đã sanh, nhờ tu tập, đi đến viên mãn. VIL KINH GIÁC NGỘ (Buddhisuttaỷồ (S. V. 94) 218. Có bảy giác chi, này các Tỷ-kheo? được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến giác ngộ? đưa đến tăng trưởng. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi5 hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Bảy giác chi này, nàỵ các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến giác ngộ? đưa đen tăng trưởng. VIII. KINH CHƯỚNG NGẠI, TRIỀN CÁI (Ẵvarananĩvaranasutta)31 (S V. 94) 219. Có năm chướng ngại, triền cái, này các Tỷ-kheo, làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Thế nào là năm? Dục tham, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại? triền cái, làm uế nhiễm tâm? làm yếu ớt trí tuệ. Sân, này các Tỷ-kheo? là chướng ngại, triền cái? làm uế nhiễm tâm9 làm yếu ớt trí tuệ. Hôn trầm thụy miên, này các T*kheo, là chướng ngại, trien cai. lam ue nniem tam, lam yen ớt trí tue. Trao hoi. nay cac Ty-kneo. la

29 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS: Systematic, dịch ý là Như lý. Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.704. 0189bl0) 30 Bản tiếng Anh của PTS: Increase (or Not Decrease), nghĩa là Tăng trưởng (hay Không giảm thiểu) Tham chiếu: Ttzp.(r.O2. 0099.709. 0190b01). 31 Tham chiếu: Tạp. à(r02. 0099.707. 0189cl4).

chướng ngại, ứiền cái? làm uế nhiễm tâm? làm yếu ớt trí tuệ. Nghi hoặc, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái? làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Năm chướng ngại, triền cái này5 này các Tỷ-kheo? làm uế nhiễm tâm và làm yếu ớt trí tuệ. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo? không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm5 được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này các Tỷ-kheo5 không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập? được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát... Xả giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái5 không làm uế nhiễm tâm, được tu tập? được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo5 không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiễm tâm? được tu tập5 được làm cho sung mãn? đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Trong khi, này các Tỷ-kheo? vị Thánh đệ tử lấy pháp làm đối tượng (atthim lắng tai nghe pháp; trong khi ấy, năm triền katvã) tác ý? tập trung tất cả tâm ý?3233 cái không có hiện hữu trong vị ấy. Và bảy giác chi, trong

khi ấy, nhờ tu tập? đi đến viên mãn. Năm triền cái nào, trong khi ấy, không có hiện hữu? Dục tham triền cái, trong khi ấy, không có hiện hữu. Sân triền cái5 trong khi ấy, không có hiện hữu. Hôn trầm thụy miên triền cái, trong khi ấy, khônẹ có hiện hữu. Trạo hối triền cái? trong khi ây, không có hiện hữu. Nghi hoặc triên cái, trong khi ấy, không có hiện hữu. Năm triền cái này, trong khi ấy, không có hiện hữu trong vị ấy. Bảy giác chi nào, trong khi ấy5 nhờ tu tập, đi đến viên mãn? Niệm giác chi, trong khi ấy, nhờ tu tap, đi đến viên mãn... Xả giác chi, trong khi ấy, nhờ tu tập, đi đên viên mãn. Trong khi5 này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử lấy pháp làm đối tượng tác y, tập trung tất cả tâm ý, lăng tai nghe pháp; trong khi ây, năm triên cái không có hiện hữu trong vị ấy. Bảy giác chi này, trong khi ấy, nhờ tu tập, đi đến viên mãn. IX. KINH CÂY (Rukkhasuttaý3 (S. V. 96) 220. Có những cây lớn, này các Tỷ-kheo, sanh từ hạt giống nhỏ, có thân cây lớn, lớn lên bao trùm (ạjjhãrũỉhã) các cây khác; các cây bị bao trùm, bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống. Và này các Tỷ-kheo, những cây lớn nào sanh từ hạt giống nhỏ5 có thân cây lớn5 lớn lên bao trùm các cây khác; các cây bị bao trùm, bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống? Ví như cây Bồ-đề (Assattha), cây Bàng (Nigrodha),

32 Sabbam cetaso samannãharỉtvã. 33 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.708. 0190a08).

cây Sanh (Pilakka), cây Sung (Udumbara), cây Bách Hướng (Kacchaka), cây Kapitthana;34 những cây lớn này, này các Tỷ-kheo, sanh từ hạt giống nhỏ? có thân cây lớn, lớn lên bao trùm các cây khác; các cây bị bao trùm, bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, ở dây, có thiện nam tử đoạn trừ các dục vọng, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia dinh, nhưng bị những dục vọng ấy, hay bị những dục vọng tệ hại hơn làm cho người ấy bị phá hủy, bị hư hại, ngã xuống, nằm rạp xuống. Năm chướng ngại, triền cái, này các Tỷ-kheo, bao trùm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ. Thế nào là năm? Dục tham (kãmacchandă). này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ. Sân, này các Tỷ-kheo5 là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm? làm cho yếu ớt trí tuệ. Hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo5 là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm9 làm cho yếu ớt trí tuệ. Trạo hối5 này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ. Nghi hoặc, này các Tỷ-kheo? là chướng ngại, triền cái, bao trùm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, năm chướng ngại, triền cái này bao trùm tâm và làm cho yếu ớt trí tuệ. Bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không bao trùm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triên cái, không bao trùm tâm, được tu tập? được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát... Xả giác chi, này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngại, triền cái, không bao trùm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Bảy giác chi này? này các Tỷ-kheo, không phải là chướng ngai, triền cái, không bao trùm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đen chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. X. KINH TRIỀN CÁI (Nĩvaranasutta)3536 (S V. 97) 221. Năm triên

cái, này các Tỷ-kheo; tác thành si ám, tác thành không mat, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ9 dự phần vào tổn hại,36 không đưa đến Niết- bàn. Thế nào là năm? Dục tham triền cái, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mat, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tôn hại, không đưa đến Niết-bàn. Sân triền cái, này các Tỷ-kheo5 tác thành si ám, tác thành không mắt? tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ? dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Hôn trầm thụy miên triền cái, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ9 dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Trạo hối triền cái, này các Tỷ-kheo, tác thành si

34 Kapitthana. DA. I. 81 cũng viết Kapitthana; Vism. 183 viết Kapitthako; E. Wood-apple, nghĩa là cây quách. 35 Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.706. 0l89c02). 36XemM.L ll5;Zí. 81.

ám, tác thành không mắt? tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn hại5 không đưa đến Niết-bàn. Nghi hoặc triền cái? này các Tỷ-kheo, tác thành si ám, tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Năm triền cái này, này các Tỷ-kheo, tác thành si ám5 tác thành không mắt, tác thành vô trí, đoạn diệt trí tuệ? dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Bảy giác chi, này các Tỵ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại,,dua đến Niết-bàn. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt? tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Trạch pháp giác chi, này các Tỷ-kheo? tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ9 không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Tinh tấn giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Hỷ giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Khinh an giác chi, này các Tỷ- kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại5 đưa đến Niết-bàn. Định giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Xả giác chi, này các Tỷ-kheo, tác thành măt? tác thành trí5 làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại? đưa đến Niết-bàn. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ? không dự phần vào tổn hại? đưa đến Niết-bàn.

V PHẨM CHUYỂN LUÂN (CAKKAVATTIVAGGA)

I. KINH KIÊU MẠN(yìdhãsutídý1 (S V. 98) 222. Nhân duyên ở Sãvatthi. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời quá khứ, đã đoạn tận ba kiêu mạn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào9 này các Tỷ-kheo, trong tương lai, sẽ đoạn tận ba kiêu mạn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi. Các Sa-môn hay

Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo5 trong thời hiện tại, đoạn tận ba kiêu mạn này; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi này. Thế nào là bảy giác chi? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi5 tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời quá khứ, đã đoạn tận ba kiêu mạn; tât cả những vị ây đêu nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi này. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời vị lai đã đoạn tận ba kiêu mạn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi này. Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, trong thời hiện tại, đã đoạn tận ba kiêu mạn; tất cả những vị ấy đều nhờ tu tập và làm cho sung mãn bảy giác chi này. II. KINH CHUYỂN LUÂN (Cakkavattisuttà)^ (S V. 99) 223. Cùng với sự xuất hiện của Vua Chuyển Luân, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của bảy báu. Thế nào là bảy? Sự xuất hiện của bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu ngọc báu, nữ báu, cư SĨ báu, tướng quân báu. Cùng với sự xuât hiện của Vua Chuyên Luân, này các Tỷ-kheo5 là sự xuất hiện của bảy báu này. Cùng với sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác? này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của bảy giác chi báu. Thế nào là bảy? Niệm giác chi báu, trạch pháp giác chi báu, tinh tấn giác chi báu, hỷ giác chi bau, khmh an giác chi bau, đinh giác chi bau5 xả giác chi báu xuât hiện.

37 Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.730. 0l96a23). 38 Tham chiếu: Tạp. É (T.02. 0099.721-722. 0194a05-23); Thất bảo kỉnh (roi. 0026.58. 0493al0); Tăng.(7.02. 0125.39.7. 0731bl4).

Cùng với sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của bảy giác chi báu này. III. KINH MẢRA (Mãrasuttd) (5. V. 99) 224. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông con đường đưa đến chinh phục Ma quân. Hãy lắng nghe. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường đưa đến chinh phục Ma quân? Tức là bảy giác chi. Thê nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tân giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi, Đây là con đường, này các Tỷ-kheo, đưa đên chinh phục Ma quân. IV. KINH LIỆT TUỆ (Duppannasutta) (S V. 99) 225. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: - "Kẻ liệt tuệ ngu đần?39 kẻ liệt tuệ ngu dần", bạch Thế Tôn5 được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là liệt tuệ ngu đần? Do bảy giác chi không được tu tập, không được làm cho sung mãn5 này Tỷ-kheo, nên được ẹọi là liệt tuệ ngu đân. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi5 tinh tân giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Này các Tỷ-kheo, chính do bảy giác chi này không được tu tập? không được làm cho sung mãn5 được gọi là liệt tuệ ngu đân. V. KINH CÓ TRÍ TUỆ (Pannavantasutta) (S V. 100) 226. C6 trí tuệ không ngu đần, có trí tuệ không ngu dần", bạch Thế Tôn5 được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là có trí tuệ không ngu đần? -Do tu tap, do làm cho sung mãn bảy giác chi, này các Tỷ-kheo, được gọi là có trí tuệ không ngu đần. Thê nào là bảy giác chi này? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Do tu tập? do làm cho sung mãn bảy giác

chi này, này các Tỷ-kheo, được gọi là có trí tuệ không ngu đần. VI. KINH BÀN CÙNG (Daliddasutta) (S. V. 100) 227. “Bần cùng, bần cùng", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào5 bạch Thế Tôn, được gọi là bần cùng? Do không tu tập, do không làm cho sung mãn bảy giác chi, nên được gọi là bần cùng. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.

39 EỊamũga'. Ngu ngốc. M. I. 20, 527 dùng thuật ngữ này theo nghĩa vừa nói vừa chảy nước miếng. DA. I. 282 dung theo nghĩa nói phều phào kho nghe.

Do không tu tap, không làm cho sung mãn bảy giác chi này, này Tỷ-kheo, được gọi là bần cùng. VII. KINH KHÔNG BÀN CÙNG (Adaỉiddasutta) (S V. 100) 228. - "Không bần cùng, khôn^ bần cùng”, bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là không bần cùng? Do tu tập. do làm cho sung mãn bảy giác chi, này Tỷ-kheo. được gọi là không bần cùng. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi9 tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Chính do tu tập, làm cho sung mãn bảy giác chi này, được gọi là không bần cùng. VIII. KINH MẶT TRỜI (Ẵdiccasuttа) (S. V. 101) 229. Cái này là điêm đi trước, này các Tỷ-kheo, cái này là tướng báo trước mặt trời mọc, tức là rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? cái này là điềm đi trước, cái này là tướng báo trước bảy giác chi sanh khởi, tức là làm bạn với thiện hữu (kalyãnamỉttd), Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi ĩẳng bảy giác chi sẽ được tu tap, bảy giác chi sẽ được làm cho sung mãn. Như thế nào, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi. IX. KINH NỘI CHI PHẦN (Ajjhattikangasutta)^ (5. V. 101) 230. Sau khi làm thành nội chi phần, này các Tỷ-kheo5 Ta không quán thấy một chi phần nào khác khiến bảy giác chi được sanh khởi, này các Tỷ-kheo, chi phần ấy tức là như lý tác ý. Với Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng bảy giác chi được tu tập5 được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu như lý tác ý này, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi5 làm cho sung mãn bảy giác chi.

40 Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Factor, nghĩa là Chỉ phần. Tham chiếu: Tạp.(r.O2. 0099.717. 0193a26).

X. KINH NGOẠI CHI PHẦN (Bãhừangasuttà) (S V. 102) 231. Sau khi làm thành ngoại chi phần, này các Tỷ-kheo? Ta không quán thấy một chi phần nào khác khiến bảy giác

chi được sanh khởi, này các Tỷ- kheo, chi phần ấy tức làm bạn với thiện hữu. Với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng bảy giác chi được tu tập5 được làm cho sung mãn. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi liên hệ đến viễn ly... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham? liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1077

VI. PHẨM TỒNG NHIẾP GIÁC CHI (SẴKACCHAVAGGA)

I. KINH ĐỒ ĂN (Ẫhãrasutta)41 (S V. 102) 232. Nhân duyên ở Săvatthi. Ta sẽ giảng cho các ông? này các Tỷ-kheo, các món ăn và không phải món ăn của năm triền cái và bảy giác chi. Hãy lắng nghe. I. MÓN ĂN CHO CÁC TRIỀN CÁI Cái gì là món ăn5 này các Tỷ-kheo? khiến cho dục tham (kãmacchandă) chưa sanh được sanh khởi; hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có tịnh tướng, này các Tỷ-kheo. Ở đây? nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho dục tham chưa sanh được sanh khởi; hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Cái gì là món ăn5 này các Tỷ-kheo, khiến cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có chướng ngại tướng (patighanimittam), này các Tỷ-kheo. ơ đây? nêu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay hôn trâm thụy miên đã sanh được tăn^ trưởng, quảng đại? Không hân hoan, biếng nhác, chán nản, ăn quá no, tâm ue oải. Ở đây, nễu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay hôn trâm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Cái gì là món ăn? này các Tỷ-kheo? khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi; hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có tâm chưa được tịnh chi, này các Tỷ-kheo. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi; hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Cái gì là món ăn9 này các Tỷ-kheo? khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Có các pháp

41 Bản Pãli trình bày liên tục kinh 232. Bản tiếngẠnh của PTS phân chia kinh 232 này thành 4 phần: I. The Food of the Hindrances (Món ăn cho các tnền cái); IL The Food of the Limbs of Wisdom (Món ăn cho các giác chi); III. No Foodfor the Hindrances (Khong phải món ăn chọ các triền cái); IV. No Food for the Limbs of Wisdom (Không phải món ăn cho các giác chi). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.715. 0192a25).

1078 KINH TƯƠNG ƯNG BỘ V. THIÊN ĐẠI

trú xứ của nghi hoặc. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn5 thời chính cái này là món ăn khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay nghi hoặc đã

sanh được tăng trưởng, quảng đại. II. MÓN ẨN CHO CÁC GIÁC CHI -Cái gì là món ăn, này các Tỷ-kheo, khiến cho niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo9 có các pháp trú xứ cho niệm giác chi. Ở dây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn? thời chính cái này là món ăn khiên cho niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Có những pháp thiện và bất thiện, này các Tỷ-kheo, có những pháp có tội và không có tội? có những pháp liệt và thăng, có những pháp dự phân đen và trắng. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn5 thời chính cái này là món ăn khiên cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tap, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo5 cái gì là món ăn khiên cho tinh tân giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tap, được làm cho viên mãn? Có phát cần giới,42 này các Tỷ-kheo, tinh cần giới, dõng mãnh giới. Ở đây, nêu như lý tác ý được làm cho sung mãn9 thời chính cái này là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo5 cái gì là món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có những pháp trú xứ cho hỷ giác chi. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, cái gì là món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay khinh an giác chi đã sanh được tu tâp? được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo5 có thân khinh an, tâm khinh an. Ở đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiên cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập? được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo9 cái gì là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có tịnh chỉ tướng, bất loạn tướng. Ở đây5 nếu như lý tác ý

42 Ẫrambhadhãtu. Expos. I. 192 giải thích khi mới bắt đầu cố gắng. MA. I. 284 viết nỉkkamadhãtu, giải thích cũng nhự vậy, nhưng mạnh hơn nhờ không biếng nhác. Parakkamadhãtu, cũng vậy, và mạnh hơn vì càng gan đến đích.

được làm cho sung mãn, thời chính cái này là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo5 cái gì là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo? có các pháp trú xứ cho xả giác chi. Ớ dây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn5 thời chính cái này là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. III. KHÔNG PHẢI MÓN ĂN CHO CÁC TRIỀN CÁI Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho dục tham chưa

sanh được sanh khởi; hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có bất tịnh tướng. Ở dây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn5 thời chính cái này không phải là món ăn khiên cho dục tham chưa sanh được sanh khởi; hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo5 cái gì không phải món ăn khiến cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo5 có từ tâm giải thoát. Ở đây5 nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn5 thời chính cái này không phải là món ăn khiên cho sân chưa sanh được sanh khởi; hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải món ăn khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay hôn trâm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có phát cần giới, tinh cần giới, dõng mãnh giới, ơ đây, nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn5 thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi; hay hôn trầm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo, cái gi không phải món ăn khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi; hay trạo hôi đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo? có tâm tịnh chỉ. Ở đây5 nếu như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho trạo hối chưa sanh được sanh khởi; hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Và này các Tỷ-kheo? cái gì không phải món ăn khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại? Này các Tỷ-kheo, có pháp thiện và bất thiện, có pháp có tội và không có tội, có pháp liệt và thắng, có pháp dự phân vào đen và trăng, ơ đây, nêu như lý tác ý được làm cho sung mãn? thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi; hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. IV. KHÔNG PHẢI LÀ MÓN ẦN CHO CÁC GIÁC CHI -Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay niệm giác chi đã sanh được tu tập5 được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có các pháp trú xứ cho niệm giác chi. Ở đây5 nếu

phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải món ăn khiến niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo? cái gì không phải là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tap, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có các pháp thiện và bất thiện, có tội và không có tội5 liệt và thắng, dự phần vào đen và trắng. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho Trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo5 cái gì không phải là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập? được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có phát cần giới5 tinh cần giới, dõng mãnh giới. Ở đây9 nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn? thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo? cái gì không phải là món ăn

khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có những pháp trú xứ cho hỷ giác chi. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có thân khinh an, tâm khinh an. Ở dây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo? cái gì không phải là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay định giác chi đã sanh được tu tap, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo, có tịnh chỉ tướng, bất loạn tướng. Ở đây5 nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn. Và này các Tỷ-kheo, cái gì không phải là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn? Này các Tỷ-kheo? có các pháp trú xứ cho xả giác chi. ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho xả giác chi chưa sanh được sanh khởi; hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1081

II. KINH PHÁP MÔN (Paríyãyasuttaỹ3 (S V. 108) 233. Rồi một số đông Tỷ-kheo? vào buổi sáng, đắp y, mang y bát đi vào Sãvatthi để khất thực. Rồi các Tỷ-kheo ấy suỵ nghĩ: “Nay còn quá sớm để đi vào Sãvatthi khất thực, vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo.95 Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên: Này chư Hiên, Sa-môn Gotama có thuyêt phá^ như sau cho các đệ tử: "Hãy dến, này các Tỷ-kheo? sau khi đoạn tận năm triên cái là những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, hãy như thật tu tập bảy giác chi.,, Này chư Hiền, chúng tôi cũng thuyết pháp như vậy cho các đệ tử: uHãy đến, này chư Hiền, sau khi đoạn tận năm triền cái là những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ9 hãy như thật tu tập bảy giác chi.” Ở đây? này chư Hiền, cái gì là đặc thù (visesam), cái gì là thù thắng (adhippayãsoỴ cái gì là sai biệt giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi? tức là vê thuyêt pháp hay về giáo giới? Rôi các Tỷ-kheo ây không hoan hỷ9 không bác bỏ lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ? không bác bỏ? từ chỗ ngồi đứng dậy, họ ra đi với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ được biết ý nghĩa lời nói này từ nơi Thế Ton?9 Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi đi khất thực ở Sãvatthi, sau bữa ăn, trên con đường trở về? đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 họ đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Ở đâỵ, bạch Thế Tôn, chúng con vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát và đi vào Sãvatthi để khất thực. Bạch The Tôn, rồi chúng con suy nghĩ: “Nay còn quá sớm để đi vào Sãvatthi khất thực. Vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ

ngoại dạo.” Rồi, bạch Thế Tôn, chúng con đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói len những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rôi ngôi xuông một bên. Rôi bạch Thế Tôn? các du sĩ ngoại đạo ấy nói với chúng con đang ngồi một bên: “Này chư Hiền, Sa-môn Gotama thuyết pháp như sau... tức là về thuyết pháp hay về giáo gi&i?” Rồi bạch Thế Tôn, chúng con không tán thán, khônẸ bác bỏ lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ, không bác bỏ? từ chỗ ngồi đứng dậy5 chúng con ra đi với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ được hiểu lời nói này từ Thế Tôn.,, Được nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải trả lời với các du sĩ ngoại

43 Bản Pãli trình bày liên tục kinh 233. Bản tiếng Anh của PTS phân chia kinh 233 này thành 2 phần: I. Ther Five Are Ten (Năm trở thành mười); II. The Seven Are Fourteen (Bảy trở thành mười bốn). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.711-712. 0190b22-0191al2).

đạo như sau: "Này chư Hiên, có pháp môn nào? do pháp môn ây, năm triên cái được trở thành mười, bảy giác chi được trở thành mười b6n?” Được đáp như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo sẽ không thể cắt nghĩa được? sẽ rơi vào khó khăn. Vì sao? Vì lẳng, này các Tỷ-kheo? vấn đề này vượt ngoài giới vức của họ. Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một ai ở thế giới này, ở Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người CÓ thể làm thỏa mãn tâm với câu trả lời cho những câu hỏi này5 ngoại trừ Như Lai, hay đệ tử Như Lai, hay những ai được nghe từ hai vị ấy. I. NĂM TRỞ THÀNH MƯỜI -Và này các Tỷ-kheo5 pháp môn nào, do y cứ pháp môn ây, năm triên cái trở thành mười? Cái gì thuộc nội dục tham, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại dục tham, cái ấy là triền cái. Gọi là dục tham triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì thuộc về nội sân, này các Tỷ-kheo, cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại sân, cái ấy là triền cái. Gọi là sân triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì thuộc vê nội hôn trâm thụy miên, này các Tỷ-kheo. cái ây là triên cái. Cái gì thuộc ngoại hôn trâm thụy miên, cái ây là triên cái. Gọi là hôn trâm thụy miên là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì thuộc nội trạo hối, này các Tỷ-kheo, cai ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại trạo hối, cái ấy là triền cái. Gọi là trạo hối triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì thuộc về nội nghi hoặc, này các Tỷ-kheo5 cái ấy là triền cái. Cái gì thuộc ngoại nghi hoặc, cái ấy là triền cái. Gọi là nghi hoặc triền cái là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Này các Tỷ-kheo, chính là pháp môn này, do y cứ pháp môn này, năm triền cái trở thành mười. II. BẢY TRỞ THÀNH MƯỜI BỐN -Và này các Tỷ-kheo? pháp môn nào, do y cứ pháp môn ấy, bảy giác chi trở thành mười bốn? Cái gì là niệm đối với nội pháp, này các Tỷ-kheo5 cái ấy là niệm giác chi. Cái gì là niệm đối với ngoại pháp, cái ấy là niệm giác chi. Gọi là niệm giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì là quyêt trạch, tư sát, quán sát với trí tuệ đôi với các nội pháp, này các Tỷ-kheo? cái ấy là trạch pháp giác chi. Cái gì là quyết trạch, tư sát, quán sát đôi với các ngoại pháp, cái ây là trạch pháp giác chi. Gọi là trạch pháp giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn

này nên thành hai.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1083

Cái gì là thân tinh tấn,44 này các Tỷ-kheo, cái ấy là tinh tấn giác chi. Cái gì là tâm tinh tấn,45 cái ấy là tinh tấn giác chi. Gọi là tinh tân giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì là hỷ có tầm có tứ5 này các Tỷ-kheo, cái ấy là hỷ giác chi. Cái gì là hỷ không tầm không tứ, cái ấy là hỷ giác chi. Gọi là hỷ giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì là thân khinh an, này các Tỷ-kheo, cái ấy là khinh an giác chi. Cái gì là tâm khinh an, cái ấy là khinh an giác chi. Gọi là khinh an giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì là định có tâm có tứ, này các Tỷ-kheo? cái ây là định giác chi. Cái gì là định không tàm không tứ, cái ấy là định giác chi. Gọi là định giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Cái gì là xả đối với các nội pháp5 này các Tỷ-kheo5 cái ấy là xả giác chi. Cái gì là xả đối với các ngoại pháp, cái ấy là xả giác chi. Gọi là xả giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nên thành hai. Này các Tỷ-kheo, chính là pháp môn này, do y cứ pháp môn này5 bảy giác chi trở thành mười bốn.

III. KINH LỬA (AggisuttaỴ6 (S V. 112) 234. Rồi một số đông Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi để khất thực. (Như kinh trên)... Được nói vậy9 này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo cân được trả lời như sau: "Này chư Hiền, khi tâm thụ động,44 47 trong khi ấy, tu tập giác chi nào là 46 45 không phải thời; trong khi ấy, tu tập giác chi nào là phải thời? Lại nữa5 này chư Hiền, trong khi tâm dao động (uddhată). trong khi ấy, tu tập giác chi nào là không phải thời; trong khi ấy, tu tập giác chi nào là phải th&i?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo sẽ không thê căt nghĩa được, sẽ rơi vào khó khăn. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, vấn đề này vượt ngoài giới vức của họ. Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một ai ở thế giới này, ở Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn5 Bà-la-môn, chư thiên và loài người

44 Kãyỉkam vĩrỉyam. SA. III. 171: Thân tinh tấn là chỉ cho việc tinh tấn đi kinh hành qua lại. Thân khinh an chỉ cho thọ, tưởng, hành được nhẹ dần. 45 Cetasikam vĩrỉyam. SA. III. 171: Tâm tinh tấn là chỉ cho tâm nguyện ta sẽ không rời bỏ ngồi thiền cho đên khi đoạn trừ được các lậu hoặc, khồng châp thủ. 46 Bản Pãli trình bày liên tục kinh 234. Bản tiếng Anh của PTS phân chia kinh 234 này thành 4 phần: I. Wrong Season (Không phảỉr thời); IL Season (Phải thời); III. Wrong Season (Không phải thời)', IV. Season (Phải thờiỵ Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.747. Ó198al2). 47 Lĩna: Dính vào, bám víu vào. Đây có nghĩa là thụ động. Xem s. V. 263.

1084 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

CÓ thể làm thỏa mãn tâm với câu trả lời cho những câu hỏi này5 ngoại trừ Như Lai, hay đệ tử Như Lai, hay những ai được nghe từ hai vị ấy. I. KHÔNG PHẢI THỜI Trong khi tâm thụ động, này các Tỷ-kheo5 trong khi ấy, không phải thời là tu tập khinh an giác chi, không phải thời là tu tập định giác chi, không phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Khi tâm thụ động, này các Tỷ-kheo, thật khó làm tâm phát khởi nhờ những pháp

này. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một người muôn đôt lên một ngọn lửa nhỏ; người ấy ném vào đay cỏ ướtj phân bò ướt, củi ướt? để ngọn lửa ấy giữa mua, gió và răc bụi lên trên; người ấy có thể nhen đỏ ngọn lửa nhỏ ấy không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. - Cũng vậy? này các Tỷ-kheo? trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, không phải thời là tu tập khinh an giác chi, không phải thời là tu tập định giác chi5 không phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Vì rằng, khi tâm thụ động? này các Tỷ-kheo thật khó làm tâm phát khởi nhờ những pháp này. II. PHẢI THỜI Và này các Tỷ-kheo? trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, khi tâm thụ động, thật dễ làm tâm phát khởi nhờ những pháp này. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, một người muốn đốt lên một ngọn lửa nhỏ5 người ấy ném vào đấy cỏ khô, phan bò khô? củi khô5 dùng miệng thổi, không có rắc bụi lên trên; người ấy có thể nhen đỏ ngọn lửa ấy không? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? trong khi tâm thụ động, trong khi ấy, phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, phải thời là tu tập tinh tân giác chi, phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì răng, này các Tỷ-kheo? khi tâm thụ động, thật dễ làm tâm phát khởi nhờ những pháp này. III. KHÔNG PHẢI THỜI Và này các Tỷ-kheo? trong khi tâm dao động, trong khi ấy5 không phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, không phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, không phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng? này các Tỷ-kheo9 tâm dao động, thật khó được tịnh chỉ do những pháp ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo5 một người muốn dập tắt một đống lửa lớn. Ở đây5 n^ười ấy ném vào đấy cỏ khô, phân bò khô và củi khô, dùng miệng thổi, không rac bụi lên trên; người ấy có thể dập tắt đống lửa lớn ấy không? - Thưa không, bạch Thế Tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, không

phải thời là tu tập trạch pháp giác chi, không phải thời là tu tập tinh tấn giác chi, không phải thời là tu tập hỷ giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo? tâm dao động, thật không dễ được tịnh chỉ nhờ những pháp ấy. IV. PHẢI THỜI Và này các Tỷ-kheo, trong khi tâm dao động, trong khi ấy, phải thời là tu tập khinh an giác chi, phải thời là tu tập định giác chi, phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo? tâm dao động thật dễ được tịnh chỉ nhờ những pháp này. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, có người muốn dập tắt một đống lửa lớn. Ở đây, người ấy ném vào cỏ ướt5 ném vào phân bò ướt5 ném vào củi ướt, để giữa gió và mưa và rắc bụi lên trên; người ấy có thể dập tắt ngọn lửa lớn ấy không? - Thưa c6, bạch Thế Tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? trong khi tâm dao động, trong khi ấy5 phải thời là tu tập khinh an giác chi, phải thời là tu tập định giác chi, phải thời là tu tập xả giác chi. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo? khi tâm dao động, thật dễ được tịnh chỉ nhờ các pháp này. Nhưng đối với niệm, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng lợi ích trong mọi trường hợp. IV KINH CÂU HỮU VỚI TỪ (Mettãsahagatasuttd)^ (S V. 115) 235. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Koliya, tại thị trấn của dân Koliya tên là Haliddavasana. Rôi một sô đông Tỷ-kheo, vào buôi sáng, đăp y, câm y bát, đi vào Haliddavasana để khất thực. Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "That là quá sớm để đi vào Haliddavasana khất thực! Vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại dạo." Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo;

sau khi đến? nói lên với những du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, họ liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên: Này chư Hiên, Sa-môn Gotama có thuyêt pháp như sau cho các đệ tử: ÍCHãy đến? này các Tỵ-kheo, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, hãy trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy với phương thứ hai; cũng vậy với phương thứ ba; cũng vậy với phương thứ tư. Như vậy? cùng khắp thê giới, trên dưới, bề ngang, hêt thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận? không sân... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả; cũng vậy với phương thứ hai; cũng vậy với phương thứ ba; cũng vậy với phương thứ tư. Như vậy,

48 Bản tiếng Anh của PTS: Goodwill, nghĩa là Lòng từ. Tham khảo: Tạp.(T.02. 0099.743. 0197ỒỒ20).

cùng khắp thế giới5 trên dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân.” Này chư Hiền, chúng tôi cũng thuyết pháp cho các đệ tử như sau: "Hay đến5 này chư Hiên, sau khi đoạn tận năm triên cái, những pháp làm uê nhiêm tâm, làm yếu ớt trí tuệ? hãy trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả... không hận, không sân.” Ở đây, này chư Hiền, cái gì là đặc thù, cái gì là thù thắng, cái gì là sai biệt giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi? tức là về thuyết pháp hay về giáo giới? Rồi các Tỷ-kheo ấy không hoan hỷ9 không bác bỏ lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ5 không bác bỏ, từ chỗ ngồi đứng dậy, họ ra đi với ý nghĩ: "Chúng ta sẽ được biết ý nghĩa lời nói này từ nơi Thế T6n." Rồi các Tỷ-kheo ấy sau khi đi khất thực ở Haliddavasana; sau bữa ăn5 trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến9 họ đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: —Ở đây, bạch Thế Tôn5 chúng con vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Haliddavasana đê khât thực. Rôi bạch Thê Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm đế đi vào Haliddavasana khat thực! Vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại dạo.” Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo... (như trên). Rồi chúng con, bạch Thế Tôn, không hoan hy, không bác bỏ lời nói các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ5 không bác bỏ5 từ chỗ ngồi đứng dậy, chúng con ra đi với ý nghĩ: uChúng ta sẽ được biết ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn.,, Được nói vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải nói với các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Nhưng này chư Hiền, từ tâm giải thoát tu tập như thế nào5 thú hướng như thê nào, tôi thăng như thê nào5 quả như thê nào, cứu cánh như thê nào? Và này chư Hiền, bi tâm giải thoát tu tập như thế nào, thú hướng như thế nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào, cứu cánh như thế nào? Và này chư Hiền, hỷ tâm giải thoát tu tập như thế nào, thú hướng như thế nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào, cứu cánh như thế nào? Và này chư Hiền, xả tâm giải thoát tu tập như thế nào, thú hướng như thế nào, tối thắng như thế nào? quả như thế nào, cứu cánh như thế nào?” Khi được hỏi như vậy,

này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo sẽ không thể cắt nghĩa được? sẽ rơi vào khó khăn. Vì sao? Vì răng5 này các Tỷ-kheo, vân đê này vượt ngoài giới vức của họ. Này các Tỷ-kheo? Ta không thấy một ai ở thế giới này, ở Thiên giới, Ma giới? Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn5 chư thiên và loài người CÓ thể làm thỏa mãn tâm với câu trả lời cho những câu hỏi này. ngoại trừ Như Lai, hay đệ tử Như Lai, hay những ai được nghe từ hai vị ấy.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1087

Và này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát tu tập như thê nào, thú hướng như thê nào, tôi thăng như thê nào, quả như thê nào, cứu cánh như thê nào? J này Ở đây, J các J Tỷ-kheo. 7 J Tỷ-kheo _ • JFtu tập • niệm ơ giác _chi câu hữu với từ... tu tập xả giác chi câu hữu với từ? liên hệ đen viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đen đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Neu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ệhê tởm đối với pháp khồng ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm. Neu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đoi với pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng không ghê tởm. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với pháp khônẹ ghê tởm và pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm. Nếu vị ấy muôn: "Ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đôi với pháp ệhê tởm và pháp không ghê tởm"vị ấy trú ở đây với tưởng không ghê tởm. Nêu vị ấy muốn: "Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả5 chánh niệm tỉnh giác", vị ấy trú ở đây với xả? chánh niệm tỉnh giác9 hay đạt đến giải thoát được gọi là thanh tịnh5 vị ấy an trú. Này các Tỷ-kheo5 từ tâm giải thoát là thanh tịnh tối thượng, Ta tuyên bố như vậy. Ở đây là trí tuệ đối với Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn. Và này các Tỷ-kheo, bi tâm giải thoát tu tập như thê nào, thú hướng như thê nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào9 cứu cánh như thế nào? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với bi... tu tập xả giác chi câu hữu với bi5 liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đên đoạn diệt, hướng đên từ bỏ. Nêu vị ây muôn: "Ta sẽ trú với tưởng ệhê tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm... Neu vị ấy muốn: "Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả5 chánh niệm tỉnh giác"vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm tỉnh giác. Vượt qua một cách hoàn toàn các sắc tưởng, chấm dứt các tưởng đối ngại5 không tác ý các tưởng sai biệt, vị ấy nghĩ rằng: "Hu không là vô biOn", vị ấy đạt đến và trú Không vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo9 Ta nói rằng từ tâm giải thoát lấy Không vô biên xứ làm tối thắng. Ở đây là trí tuệ của Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn. Và này các Tỷ-kheo? tu tập hỷ tâm ệiải thoát như thê nào, thú hướng như thê nào, tối thắng như thế nào, quả như thế nào, cứu cánh như thế nào? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với hỷ... tu tập xả giác chi câu hữu với hỷ5 liên hệ đen viên ly5 liên hệ đên ly tham? liên hệ đên đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Neu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ghe tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm... Nếu vị ấy muốn: :Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả, chánh niệm tỉnh giác", vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm tỉnh giác... Vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, vị ấy nghĩ rằng: "Thức là vô biên", vị ấy đạt đến và trú Thức vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hỷ tâm giải thoát lấy Thức vô biên xứ làm tối thắng. Ở đây là trí tuệ của Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn. Và này các Tỷ-kheo, tu tập xả tâm ệiải thoát như thê nào. thú hướng như

thê nào, tối thắng như thê nào, quả như thê nào, cứu cánh như thê nào?

1088 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với xả... tu tập xả giác chi câu hữu với xả, liên hệ đến viễn ly5 liên hệ đến ly tham, liên hệ đen đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ệhê tởm đối với pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm. Nêu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng khôĩiệ ghê tởm đoi với pháp ghê tởm", vị ấy trú ở đay với tưởng không ghê tởm. Nêu vị ấy muốn: "Ta sẽ trú với tưởng ghê tởm đối với pháp khôĩiệ ghê tởm và pháp ghê tởm"vị ấy trú ở đây với tưởng ghê tởm. Nếu vị ấy muôn: "Ta sẽ trú với tưởng không ghê tởm đối với pháp ệhê tởm và pháp không ghê tởm", vị ấy trú ở đây với tưởng không ghê tởm. Nêu vị ấy muốn: "Từ bỏ cả hai không ghê tởm và ghê tởm, ta sẽ trú xả, chánh niệm tỉnh giác", vị ấy trú ở đây với xả, chánh niệm tỉnh giác. Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn với ý nghĩ: uKhông có vật gi", vị ấy chứng đạt và trú Vô sở hữu xứ. Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, xả tâm giải thoát lấy Vô sở hữu xứ làm tối thắng. Ở đây là trí tuệ của Tỷ-kheo không đạt tới giải thoát cao hơn.49

V KINH SANGÃRAVA (Sangãravasutta) (S V. 121) 236. Nhân duyên ở Sãvatthi. Rồi Bà-la-môn Saồgãrava đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, vị ây liên ngôi xuông một bên. Ngôi một bên? Bà-la-môn Saỏgãrava thưa với Thế Tôn: Do nhân gi, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, có khi các chú thuật (mantã) mà tôi học thuộc lòng lâu ngày (sơjjhãyakatã) lại không thể nhớ đến được? còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng? Do nhân gi, do duyên gi, thưa Tôn giả Gotama, có khi các chú thuật mà tôi không học thuộc lòng lâu ngày lại nhớ đến được? còn nói gì các chú thuật được học thuộc lòng? Này Bà-la-môn5 khi trú với tâm bị dục tham (kãmarãgd) xâm chiếm, bị dục tham chi phối và không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thê nhớ đên được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước trộn lẫn với thuốc nhuộm gôm lắc,50 hay màu đỏ tía, hay màu xanh, hay màu vàng, và ở đây một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, không thể như thật biêt được và thấy được. Cũng vậy5 này Bà-la-môn5 trong khi trú với tâm bị dục tham xâm chiếm, bị dục tham

49 Còn hai giai đoạn nữa mới chứng Niết-bàn. 50 Lãkhã còn gọi là chất gôm-lắc là một hợp chất từ loài bọ, đó là con rệp son cánh kiến đỏ (lacca). Thành phần hóa học của hợp chất này gồm có 75% chất nhựa, và 25% chất sáp, chất màu và tạp chất khác (mảnh gỗ, xác rệp son), độ ẩm. Hợp chất này được gọi bằng nhiều tên: Tư giao, tử ngạch, tư thảo nhung,... (tieng Trung Hoa), tên khoa học là Lacca-Stick-Lac. Trong y học, kỹ nghệ, đời song sinh hoạt thường ngay, hợp chat này được sử dụng rất phổ biến.

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1089

chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thê nhớ đên được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị sân xâm chiếm, bị sân chi phối, không như thật biết sự xuất ly khỏi sân đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn5 một bát nước được lửa đun sôi, sôi lên sùng sục, sôi lên cuồn cuộn. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy? này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị sân xâm chiếm... Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, bị hôn trầm thụy miên chi phối, không như thật biết sự xuất ly khỏi hôn trầm thụy miên đã khởi lên; trong khi ây, người ây không như thật biêt và thây lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật rõ biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được? còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn5 một bát nước bị rong rêu che phủ. Ở đây5 một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn5 trong khi trú với tâm bị hôn tràm thụy miên xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm, bị trạo hối chi ph§i, không như thật biết sự xuất ly khỏi trạo hối đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được? còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn5 một bát nước bị gió thổi, dao động, chấn động, nổi - đây, một người có măt muôn ngăm khuôn mặt của mình, không thê như thật biêt và thây được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị trạo hối xâm chiêm... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phôi5 và không như thật biêt sự xuât ly khỏi nghi hoặc đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy sự lợi ích của mình;

trong khi ây? không như thật biêt và thây sự lợi ích của người; trong khi ây, không như thật biết và thấy sự lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ đến được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước bị khuấy động5 khuấy đục, khuấy bùn5 đặt trong bóng tối. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như

thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Đây là nhân, đây là duyên, này Bà-la-môn, có khi các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thê nhớ đên được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Này Bà-la-môn5 khi trú với tâm không bị dục tham xâm chiếm, không bị dục tham chi phối, lại như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy như thật biết và thấy lợi ích của minh; trong khi ấy, như thật biêt và thây lợi ích của người; trong khi ây, như thật biêt và thây lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày được nhớ đến, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn, một bát nước không trộn lẫn với thuốc gôm lắc, hay màu đỏ tía, hay màu xanh, hay màu vàng, ơ đây, một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn? khi trú với tâm không bị dục tham xâm chiêm... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị sân xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn5 một bát nước không được lửa đun sôi, không sôi lên sùng sục, không sôi lên cuồn cuộn. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la- môn, khi trú với tâm không bị sân xâm chiêm, không bị sân chi phôi... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn5 khi trú với tâm không bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, không bị hôn trầm thụy miên chi phôi... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước không bị rong rêu che phủ. Ở đây9 một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, có thê như thật biết và thây được. Cũng vay, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị hôn trầm thụy miên xâm chiêm, không bị hôn trâm thụy miên chi phôi... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, nàỵ Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị trạo hối xâm chiếm, không bị trạo hối chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn5 một bát nước không bị gió thôi5 không bị dao

động, không bị chấn động, khôn^ bị nổi sóng. Ở dây, một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị trạo hôi xâm chiêm, không bị trạo hối chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị nghi hoặc xâm chiếm, không bị nghi hoặc chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn, một bát nước trừng tịnh, trong sáng, không bị khuấy động, đặt giữa ánh sáng. Ở đâỵ5 một người có mắt muốn ngắm bóng mặt của mình, có thê như thật biêt và thây được. Cũng vậy, này Bà-la-môn? trong khi trú với tâm không bị nghi hoặc xâm chiếm, không bị nghi hoặc chi phối và như thật biết sự xuất ly khỏi nghi hoặc đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của cả hai. Cho nên, các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày được nhớ đến5 còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Đây là nhân5 đây là duyên, này Bà-la-môn, có khi các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày lại

có thể nhớ đến được? còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Có bảy giác chi này, này Bà-la-môn, không chướng ngại, không triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập5 được làm cho sung mãn5 đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, này Bà-la-môn, không phải là chướng ngại? triền cái, không làm uế nhiễm tâm, được tu tập? được làm cho sung mãn, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát... Xả giác chi, không phải là chướng ngại, triền cái5 không làm uế nhiễm tâm, được tu tập, được làm cho sung mãn? đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Bảy giác chi này, này Bà-la-môn5 không phải là chướng ngại, triền cái, không làm uế nhiêm tâm, được tu tập? được làm cho sung mãn9 đưa đên chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Khi được nói vậy9 Bà-la-môn Saồgãrava bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. VI. KINH ABHAYA (Abhayasutta)5i (S V. 126) 237. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại núi Linh Thứu. Rồi Hoàng tử Abhaya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Hoàng tử Abhaya bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn5 Pũrana Kassapa nói như sau: "Không có nhân, không có

51 Tham khảo: Tạp.(T.02. 0099.711-712. 0190b22-0191al2).

duyên để không biết, để không thấy. Không biết, khôn^ thấy không có nhân, không có duyên. Không có nhân, không có duyên để biết, để thấy. Biết và thấy không có nhân, không có duyên.Ở đây, Thế Tôn đã nói như the nào? - Này Hoàng tử, có nhân, có duyên để không biết, để không thấy. Không biết, không thấy có nhân, có duyên. Này Hoàng tử, có nhân, có duyên để biết, để thấy. Biết và thấy có nhân, có duyên. Do nhân nào? do duyên nào, bạch Thế T6n, để không biết, để không thấy? Như thế nào, không biết, không thấy có nhân, có duyên? - Này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị dục tham xâm chiếm, bị dục tham chi phối, như thật không biết, không thấy sự xuất ly khỏi dục và tham đã sanh; đây là nhân, đây là duyên, này Hoàng tử, để không biết, để không thấy. Như vậy? không biết5 không thấy có nhân, có duyên. Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị sân xâm chiếm, bị sân chi phối... Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, bị hôn trầm thụy miên chi phối... Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm, bị trạo hối chi phối... Lại nữa, này Hoàng tử, khi nào trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối, và như thật không biết, không thấy sự xuất ly khỏi nghi hoặc đã sanh; đây là nhân, đây là duyên, này Hoàng tử, để không biết, để không thấy. Như vậy, không biết, không thấy có nhân, có duyên. Bạch Thế Tôn, pháp môn này được gọi là gì? Này Hoàng tử, được gọi là các triền cái. Thật vậy? chúng là triền cái, bạch Thế Tôn. Thật vậy, chúng là triền cái, bạch Thiện Thệ. Chỉ bị chinh phục bởi một triền cái mà thôi, bạch Thế Tôn? cũng không có thể biết như thật, thấy như thật, còn nói gì bị cả năm triền cái chinh phục. Nhưng, bạch Thế Tôn? do nhân nào9 do duyên nào để biết, để thấy? Như thê nào biêt và thây có nhân, có duyên? Ở đây, này Hoàng tử, Tỷ-kheo tu tập niệm ^iác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diệt, hướng đen từ bỏ. Vị ấy nhờ tâm được tu tập niệm giác chi nên như thật biết và thấy. Đây là nhân, đây là

duyên, này Hoàng tử? đê biêt? đê thây. Như vậy5 biêt và thây có nhân, có duyên. Lại nữa, này Hoàng tử, Tỷ-kheo... Lại nữa, này Hoàng tử, Tỷ-kheo tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Vị ấy nhờ tâm được tu tap xả giác chi nên như thật biêt và thây. Đây là nhân, đây là duyên đế biết? đế thấy. Như vậy? biết và thấy có nhân, có duyên.

Bạch Thế Tôn, pháp môn này được gọi là gì? Này Hoàng tử, được gọi là các giác chi. Thật vậy, chúng là giác chi, bạch Thế Tôn. Thật vậy, chúng là giác chi, bạch Thiện Thệ. Bạch The Tôn, chỉ được đầy đủ với một giác chi mà thôi đã có thể như thật thấy và biết, còn nói gì đầy đủ cả bảy giác chi. Bạch Thế Tôn, sự mệt nhọc về thân và mệt nhọc về tâm khi con leo lên núi Linh Thứu đã được khinh an, nhẹ nhàng và pháp đã được con hoàn toàn chứng đắc.

VIL PHẨM HƠI THỞ VÔ, HƠI THỞ RA (ÂNĂPĂNAVĂGGA)

I. KINH LỢI ÍCH LỚN CỦA CỐT TƯỞNG (Affhikamahapphalasutta) (S V. 129) 238. Nhân duyên ở Sãvatthi. -Tu tập cốt tưởng, này các Tỷ-kheo, làm cho sung mãn, được quả lớn, được lợi ích lớn. Wcác Tỷ-kheo5 côt tưởng được tu tập như thê nào, được làm cho sung mãn như thế nào đưa đến quả lớn, đưa đến lợi ích lớn? Ở đây, này các Tỷ"kheo? Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với cốt tưởng, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến lỵ tham? liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ... tu tập xả giác chi câu hữu với cốt tưởng, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham5 liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo5 cốt tưởng được tu tập như vậy? được làm cho sung mãn như vậy, có quả lớn, có lợi ích lớn. KINH MỘT QUẢ NÀO ĐÓ (Annataraphalasutta)51 -Tu tập, làm cho sung mãn cốt tưởng, này các Tỷ-kheo5 một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn. Tu tập cốt tưởng như thế nào? làm cho sung mãn như thế nào, này các Tỷ- kheo9 một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với cốt tưởng... tu tập xả giác chi câu hữu với cốt tưởng, liên hệ đến viễn ly9 liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diet, hướng đến từ bỏ. Tu tập cốt tưởng như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ- kheo, một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn. KINH NGHĨA LỢI LỚN (Mahatthasutta) -Cốt tưởng, này các Tỷ-kheo, được tu tap, được làm cho sung mãn, đưa đến nghĩa lợi lớn.

52 Bản tiếng Anh của PTS: Realization or No Return, nghĩa là Trỉ hay Bất hoàn.

. .

I .

8

6

0

6
3
.
Z K
o b C z q
6 0 s H
Q *
.6
N O o b
q STS W6600 m n
0 0 ỉ H
^
ồ q
M
Q q - 09A Qip dE)
H cú
H ô
H q
(

O
>
O x
M w IO H I
IO H H N D
.
9 n
0 H
0
6 8 <o
H
^
d g
-4—
•.•ODIPJ— AH X z ỉ

(

ẽ ă ^ ẽ

A y x H N ES X I i —

e n

ị o H s

• ••o p a d g -4>

-4>—

cdi

A p u 6UIE q z
I
A
H
>

(IM s) AH HNDI
:
.
i
*
— n
0
0
E
E
H
O ^

d .

'i>

Amu -q z Ĩ

(Dl s pJ Ễ C S s

> H ề

H N D rH A : l

• á e n

0 0

o o d

^
H
6
S
H s
^
Trz
Apu ĩ i ả
(IM A s) w H N D I IA I n
0
0
B
H
^ d E z Trz
Xugqd Xunn ụ X 8uọ j ụ dE) >
(ễ n s) . DsM m ỉ pp ẻN D N Q H d D N ự lS H N D I X
4 B e n d
D
H
H
I
O O
W
(•. Amu u ự iu uọ xụ z f z
S 0
A E
Ỉ
Ể
^
^ E ễ O o õn
h n d i >1
.
0 n
H S-
q
.:odipj — a h Amu OUIgq z Jq X 8uọ xụ dg ỉ ả ả u ễ cex m

(IE I A I H N V X H N D

• •. X

L p

t

P O n

D
Ị^
H
H
O

đ oí o W m

)cú õnu

/u 8uụja Jq .6EZ

>
(IM s) N y D N Í Ị U L N H N D I II
)
2
x 9

0 1 2

p d b N

p LỊUPI v

a

/ o q

S H

>
(g g

Z ợ
(I M s) hnq r n
B
0
3
1

i D

.ỗp

Xuọ q X 0

H 2 nqN)

O c ấ ỗ m

s- (OM A S) § M S M)Npq HNS e

B n u 2

p

ắ

d b E J9 E UB upp nqN)

i

ỉ y o .§

o £ H

ẫ 9 ễ E

^

^

Q H X IQHM N p q NV H N Q

s 8

u u

q q O.2 (U9.U nqu) .Z U P I U0P R n p O91PJ

l

P

4 b U

H q

O O ôs

<<Dq <so nqu URUI 8uns oqU I E nqu dg- m ÍIỌ m

l

I c

y n

o U D

H

N

-

-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
S60I .9
DN 0S
) J
7 3 A
& X .S
.(w ssau-u s ald ơ ơ -
s ?
s
P z 80 £ ~s
~
^ D
d ws
:5
H) y .A awDpfoq.Em .XI) g
1 >I.
k
A
£ s -§
'
1 D
&
)
D ễ ễ
ỈSA ~ c ứ

.

H ;

r ồ

.III 1k ế

6 $ a

£ q

IM S Eau .II"(UJỌ1 PV8) :ệo ạB

.§ u

u UEm w §<

6q z & L u p f Biq sid qM *v 2 I

p

.u ipnqz •

§ i

q m .

.$//6600 s s

y

u

E

3

Ế

Ể

O

ễ i

ẫ tí

.(ZW863 =

0)

q u e ugg

ư leqHM

.(ZX863zw/6600 m a

rn

u tH zw/6600 X8oq(63 .Z E6600

. .

I I

.

s

z s z z z. y z.

0I s s S s 3

Q Z(o . b b

ể 3 o o. o. es o. b b b Hb

C Ỗ6 cg6

ZW/6600 X 6 Z S 6 I 0 6600 m §q l I

8 2

U H T

N N

y iio I S H

(

> Q O.

I NVOG H N D I X

.

.

•

0

4 n

E

D

H

6

H

§

og^ u >1 X u ọ xụ .9SZ ỉ

> E ễ ề

(m W V H AH H N IN X I

.

•

E

—

J n

0 0 E

a

D H

O

—

^

^

B d

-4>

UHOP 8uọ m ssz .

V B

H A

> • N

(ZEI s) (W W S W 0 W S N V O Q H IN

.

..

*

PfI

6

D H U

O

— >

.

sz 9A 8upm dgi ỉ y o

s U

(

ẵ ễ <ceu N

I Q A HNTH H A s z

s

á n

o o d

^ H ỉ ĩ H

m

m

õbE

9W (ỉ

> .

s) Q H X H N D Ỉ IA 4 n

0

8 H H

... ^ d g M»—

UJQnqA 9A Xuọ m zsz ỉ bn n

ị 0 s Ỉ H H

(a ễ

I Q A H N D I

. á s n

o o ^

ỉ

H

Ỉ

§

H

= o ẩ

9q~ o 9 A q w p ISZ l v u

(

> I y H N H y n H N IM .A I

.

•

•

4 l

D H e

O n

0 0 d H

W ^ d g e

<SA <op

9P 3q8 8 £ m osz

2 ố H

Q ễ

s

a HNDI . . d

e < 6

0 0

^

ỉ

H

Ỉ

H mh

o ặ ^ ị q muọ m z ỉ H d H

ễ ễ

O n

(m A s) H N IX I I .

0

4

D

H e

8

n

0 0 c d

Ỉ 1 ...

^ q z .s. q 8upm y

(s

> W

3

H

PQ H

QSI s) SVWKSN) HNtL HNDTI I

a A

& O

H SD VAyH Q O N I ẻ NỶ O G K Ỵ H d

fl

<

G

N

H

I

0

»

9

6

2

of ễ .A

tì DNOAL HNIX

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1097

257. Tu tập tưởng đoạn diệt, làm cho sung mãn5 này các Tỷ-kheo, được quả lớn, được lợi ích lớn. Và này các Tỷ-kheo, tu tập tưởng đoạn diệt như thế nào... ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt... Tu tập tưởng đoạn diệt như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, được quả lớn, được lợi ích lớn. IL TRÍ HAY BẤT HOÀN Tu tập tưởng đoạn diệt, làm cho sung mãn? này các Tỷ-kheo, một trong hai quả được chờ đợi: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng được Bất hoàn. Tu tập như thế nào, làm cho sung mãn tưởng đoạn diệt như thế nào, này các Tỷ-kheo...? Ở đây? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt... Tu tập tưởng đoạn diệt như vậy, làm cho sung mãn như vậy5 này các Tỷ-kheo... III-VL NGHĨA LỢI LỚN5 AN ỒN LỚN KHỎI KHỔ ÁCH? HỨNG KHỞI LỚN? LẠC TRÚ LỚN Tưởng đoạn diệt được tu tập? được làm cho sung mãn, đưa đến nghĩa lợi lớn5 đưa đên an ôn lớn khỏi các khô ách, đưa đên hứng khởi lớn, đưa đên lạc trú lớn. Tu tập đoạn diệt tưởng như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, đưa đến nệhĩa lợi lớn, đưa đến an ổn lớn khỏi các khổ ách, đưa đến hứng khởi lớn, đưa đen lạc trú lớn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt... tu tập xả giác chi câu hữu với tưởng đoạn diệt? liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... Tu tập tưởng đoạn diệt như vậy, làm cho sung mãn như vậy, này các Tỷ-kheo, đưa đến Ĩiệhĩa lợi lớn, đưa đến an ổn lớn khỏi các khổ ách, đưa đến hứng khởi lớn, đưa đển lạc trú lớn.

1098 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

IX. PHẨM SÔNG HẰNG LƯỢC THUYẾT (GANGẴPEYYẴLAK4GGA)

I-XII. KINH SÔNG HẰNG, (Gangãnadĩãdisutta)61 (S V. 135) 258-269. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, sông Hằng thiên về phương Đông, hướng vê phương Đông, xuôi vê phương Đông. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, làm cho sung mãn bảy giác chi, thiên về Niết-bàn, hướng về Niếtbàn, xuôi về Niết-bàn. Ở đây, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, thiên về Niết-bàn? hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Ví nhu, này các Tỷ-kheo? sông Yamunã... sông Aciravatĩ... sông Sarabhũ... sông Mahĩ... các sông lớn như sông Hằng, Yamunã, Aciravatĩ, Sarabhũ, Mahĩ thiên về phương Đông? hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông... Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng... sông Yamunã... sông Aciravatĩ... sông Sarabhũ... sông Mahĩ... các sông lớn như sông Hằng, Yamunã, Aciravatĩ, Sarabhũ, Mahĩ thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển...

X. PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (ẠPPAMÃDAVAGGA)

I-X. KINH NHƯ LAI, (Tathãgatãdisutta) (5. V. 135) 270-279. Này các Tỷ-kheo, cũng như đối yới các loài hữu tình không chân? hay có hai chân, hay có bốn chân, hay có nhiều chân... (Như kinh Í39-148, tức các kinh: "Nhu Lai", “Dấu chan", "Chóp mái", “Rễ hương”"Lõi hương”"Hạ Sanh hoa”“Vua", “Mặt trang9\ "Mặt trời,\ "Vi", như Tương ưng Giác chí).

61 Bản tiếng Anh của PTS: Eastward, nghĩa là Hưởng về phương Đông.

XI. PHẨM CÀN DÙNG sức MẠNH (BALAKARANĨYAVAGGA)

I-XII. KINH SỨC Lực, V.V.. (Balãdisutta) (S V. 135) 280-291. Này các Tỷ-kheo? ví như các hành động cần phải dùng sức mạnh... (Như kinh 149-160, tức các kinh: "Sức luc", "Các hạt gi6ng”“Con rắn”, “C2y “CAi ghS", "Râu lúa mi", “Hu không9\ "Mây mưa 1", =Mây mưa 2" "Chiếc thuyền", "Các khách,\ "Con sông9\ như Tương ưng Giác chí).

xn. PHẨM TẦM CẦU (ẸSANẴVAGGA)

I-X. KINH TÀM CẦU, V.V.. (Esanãdisutta) (S V. 136) 292-301. Có ba sự tầm cầu, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Tầm cầu dục? tầm cầu hữu, tầm cầu Phạm hạnh... (Như kinh 161-170, tức các kinh: “Tầm cầu", "Kiêu 6CLậu ho^c", “Hữu", "Khổ tánh", “Hoang vu", “cấu nhiễm,\ “Dao ng", aThọ,\ 'Khát'ái", như Tương ưng Giác chí).

xm. PHẨM Bộc LƯU (OGHAVAGGA)

I-IX. KINH BỘC LƯU, V.V.. (Oghãdisutta) (S V. 136) 302-310. Có bốn bộc lưu, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiên bộc lưu, vô minh bộc lưu... (Tương tự với các kinh: "Ach phược5\ "Chấp thủy, ẾCHệ phược9,? "Tùy mien9\ "Dục công dức", "Triền cái", "Thủ un", "Hạ phần kiết sử"). X. KINH THƯỢNG PHẦN KIẾT sử (Uddhambhãgiyasuttấ) (5. V. 136) 311. Nhân duyên ở Sãvatthi. Này các Tỷ-kheo5 có năm thượng phần kiết sử. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn, trạo cử? vô minh. Các pháp này, này các Tỷ-kheo? là năm thượng phần kiết sử. Này các Tỷ-kheo,

với mục đích thắng tri? liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bảy giác chi cần phải tu tập. Thế nào là bảy? Ở đây? này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diet, đoạn tận năm thượng phàn kiết sử này, bảy giác chi này cần phải tu tập.

1100 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ V. THIÊN ĐẠI

XIV PHẨM SÔNG HẢNG TÁI Lược THUYẾT (PUNAGANGẴPEYYẴLA^ÂGGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. KINH SÔNG HẰNG, V.V.. (Punagangãnađĩãdisuttà) (S V. 137) 312. Ví nhu, này các Tỷ-kheo5 sông Hằng thiên về phương Đông, hướng về phương Đông, xuôi về phương Đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập bảy giác chi, thiên về Niết-bàn? hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi với mục đích nhiếp phục tham, với mục đích nhiếp phục sân5 với mục đích nhiếp phục si. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo... xuôi về Niết-bàn. 313-317. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, sông Yamunã... sông Aciravatĩ... sông Sarabhũ... sông Mahĩ... các sông lớn như sông Hằng, Yamunã, Aciravatĩ, Sarabhũ, Mahĩ thiên vê phương Đông, hướng vê phương Đông, xuôi vê phương Đông... 318-323. Ví nhu, này các Tỷ-kheo, sông Hằng... sông Yamunã... sông Aciravatĩ... sông Sarabhũ... sông Mahĩ... các sông lớn như sông Hằng, Yamunã, Aciravatĩ, Sarabhũ, Mahĩ thiên về biển, hướng về biển, xuôi về biển... (Như kinh 312)...

XV PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT (PUNAAPPAMÃDAK4GGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-X. KINH NHƯ LAI, vv... (Tathãgatãdisutta) (S. V. 138) 324-333. Gồm các kinh: "Nhu Lai", "Dấu chân", "Ch6p mái", "Rễ hương", "L6i hương", uHạ Sanh hoa", "Vua"uMặt trăng", uMặt trời""Vải" (như Tương ưng Giác chi, Nhiếp phục tham...)

46. TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI 1101

XVI. PHẨM CẦN DÙNG sức MẠNH (PUNABALAKARANIIAVAGGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XII. KINH SỨC Lực, vv... (Punabaĩãdisutta) (S V. 138) 334-345. Gồm các kinh: "Sức Iịtc", uCác hạt giống9\ "Con rắn", "Cây", uCái ghe9\ "Râu lúa mi", "Hu kh6ng", "Mây mưa 1", ĔÍMây mưa 2", "Chiếc thuyền9\ uCác khách9,, "Con song" (như Tương ưng Giác chi, Nhiếp phục tham...)

XVIL PHẨM TẦM CẦU (PUNAESANÃVAGGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-XL KINH TẦM CẦU, vv.. (Punaesanãdisutta) (S. V. 139) 346-356. Gồm các kinh: í6Tầm cầu", "Kiêu mạn,\ uLậu hoặc", "Hữu", "Khổ tánh,99 "Hoang vu", "cấu nhiễm,99 "Dao động,55 "ThQ", và 2 kinh "Khát ái" (như Tương ưng Giác chi, Nhiếp phục tham...)

xvin. PHẨM Bộc LƯU (PUNAOGHAK4GGA)

NHIẾP PHỤC THAM

I-IX. KINH BỘC LƯU, w.. (Punaoghãdisutta) (S V. 139) 357-365. Này các Tỷ-kheo, có bốn bộc lưu này. Thế nào là bốn? Dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu... (Tương tự với các kinh: "Ach phược9\ "Chấp thủ9\ "He phược9,5 "Tùy mi8n", "D công dức", uTriền cái", uThu uan5\ uHạ phần kiết sh").

X. KINH THƯỢNG PHẢN KIẾT sử (Uddhambhãgiyasutta) (5. V. 139) 366. Này các Tỷ-kheo? có năm thượng phần kiết sử. Thế nào là năm? Tham sắc, tham vô sắc, mạn5 trạo cử, vô minh. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm thượng phần kiết sử. Này các Tỷ-kheo, với mục đích thăng tri, liêu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, bảy giác chi cần phải tu tập. Thế nào là bảy? Ở đây5 này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi... tu tập xả giác chi với mục đích nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si, nhập vào bất tử,

lấy bất tử làm tối thượng, lấy bất tử làm cứu cánh, thiên về Niết-bn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, vì mục đích thăng tri, liêu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phân kiêt sử này, bảy giác chi này cân phải tu tập.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.